

Tác Giả và Tác Phẩm

Vũ Đình Liên

Tiểu sử

Sinh ngày 12.11.1913 tại Hải Dương. Mất ngày 18.1.1996 tại Hà Nội.

Tác phẩm

Ông đồ, Lòng ta là những hàng thành quách cũ, Lũy tre xanh, Người kỹ nữ Cầu Trò (1973), Người đàn bà điên ga Lưu Xá (1977), Gặp lại người đàn bà điên (1987), Nàng Tiên (1992) Đôi mắt (thơ - 1957); Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam; Nguyễn Đình Chiểu - Nhà chí sĩ yêu nước (1957); Thơ Baudelaire (dịch-1995); Thơ Vũ Đình Liên (1996).



Ông đồ “Vũ Đình Liên”
tranh sơn dầu Bùi Xuân Phái
(1920 – 1988)

Mục Lục

Mỗi tình trong bài thơ ông đồ – Lê Chánh Thiêm – 2
Hàn nho mãi tự Vũ Đình Liên - Nhật Chung - 4
Vũ Đình Liên – Ông Đồ vẫn ngồi đấy - Đỗ Ngọc Thạch – 11
Vũ Đình Liên, lòng hoài cổ âm thầm – Hoài Thanh - 24

Phụ đính I

Vĩnh biệt tác giả Ông đồ - Vương Trí Nhàn - 26
NH Tường, VD Liên: đồng nghiệp, đồng liêu – Nguyễn Huy Thăng- 27
Đọc lại bài thơ “Ông Đồ” của Vũ Đình Liên – Nguyễn Hưng Quốc - 31
Thăng trầm của chữ Nho qua bài thơ Ông đồ - Nguyễn Mộng Khôi - 34

Phụ đính II

Chùm thơ Vũ Đình Liên - 38

Phụ đính III

Cao đàm khوات luận – Ngô Không Phí Ngọc Hùng - 43

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Mối tình trong bài thơ Ông đồ Lê Chánh Thiêm

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già

....

Mỗi năm khi hoa đào nở, tôi lại đến thăm nhà thơ trào phúng Tú Sốt (tên thật là Chu Thành), một ông đồ trong CLB Cảo thơm thư hiền. Trong cái thanh tịnh của một sớm đầu Xuân Bính Tuất, nhà thơ Tú Sốt kể lại cho tôi nghe buổi "hầu chuyện" thơ của ông với cụ Vũ Đình Liên cách đây vừa đúng 15 năm như một sự tri ân với tác giả bài thơ "Ông đồ". Đây cũng là buổi "hầu chuyện" cuối cùng của Tú Sốt với tác giả Ông đồ vì sau đó vài năm, thi sĩ tài hoa này đã về nơi vĩnh hằng. Thật ra ý định ghi lại xuất xứ bài thơ Ông đồ đã được ông Tú ấp ủ từ năm 1989, nhưng rồi cứ nán nã vì lý do này nọ mà chưa thực hiện được. Và ngày 24/10/1991, một buổi chiều thu nhạt nắng, sau khi thắp hương viếng phần mộ nhà văn Vũ Trọng Phụng, nhà thơ Tú Sốt đã mời nhà thơ Vũ Đình Liên lại nhà mình để được "hầu chuyện".

Kể lại kỷ niệm này, ông rưng rưng: "Rất ít người biết rằng, bài thơ Ông đồ và nhiều bài thơ khác của cụ Vũ Đình Liên còn nặng kỷ niệm về người vợ tảo tần của nhà thơ. Cụ gọi đó là cái tình tri âm, tri kỷ đã theo cụ trọn cuộc đời. Bà chẳng làm nghề gì cao sang, chỉ là cô hàng xén ở phố Hàng Bò. Cụ Liên khi đó là anh chàng thư sinh học trường Bưởi, ngày nào cũng đi qua con phố có cô hàng xén để thương đó và chẳng biết tự bao giờ, chàng trai trẻ thi sĩ này đã phải lòng. Phải lòng gánh hàng chỉ có kim, chỉ, đèn dầu, phải lòng người bán hàng nhu mì, đôi má ửng hồng e thẹn, nhưng chàng thanh niên Vũ Đình Liên còn phải lòng cả cái khung cảnh bình dị mà chỉ có trái tim thi sĩ mới rung lên được sợi tơ tình cảm đó:

Bên cạnh cô hàng xén còn có một ông đồ già ngồi viết chữ. Họ ngồi cạnh nhau nhiều tháng trên hè phố cùng kiếm sống nhưng cũng không bị "Pu-lít" (cảnh sát) đuổi phạt bao giờ.

Thời đó, kẻ sĩ nước mình có mấy ai giàu. Ông đồ nghèo đến nỗi không có nhà phải ngồi ở vỉa hè để bán chữ, mà còn không có cả tiền mua giấy nên phải ngồi bên cô hàng xén. Để khi có khách đến thuê viết, ông đồ chỉ cần với tay về phía cô hàng xén: "Này, này, cô cho tôi nhờ tờ giấy, nhờ cái bút", vậy là được cả đôi bên! Họ cứ dung dị sống, dung dị gắn bó mưu sinh với nhau trên một góc vỉa hè chật chội mà đâu có biết rằng, có một anh chàng thư sinh nho nhã đã khắc ghi hình ảnh đó trong lòng.

Cụ Tú Sốt chậm rãi: "Thơ không phải lúc nào muốn là bật ra được, nó phải là những cảm xúc căng chặt trong lòng, là những nỗi buồn khắc khoải mà không viết ra anh không thể hóa giải nỗi lòng mình được". Ban đầu, cụ Vũ Đình Liên khắc họa hình ảnh Ông đồ chỉ bằng một câu vè:

Hàng Bạc đi lên Hàng Bò.
Trên đường đi học, ông đồ buồn thiu

Nhưng rồi, có một ngày xuân, nhà thơ đi qua con phố thân thuộc đó, bỗng thấy trống vắng, chỉ còn những bậc thềm hoang lạnh vì không thấy ông đồ đâu nữa. Nhìn phố xá và dòng người thờ ơ vô tình đang thường ngoạn vui xuân, nhà thơ đã đau đớn nhận ra vì sao ông đồ đã rời bỏ nơi này. Người đời lãng quên ông đồ, lãng quên luôn một nét văn hóa truyền thống. Chỉ kịp nghĩ đến đó, trái tim đa cảm của nhà thơ bỗng bật lên một tiếng nấc thương xót kẻ "hàn nho mãi tụy":

"Năm nay đào lại nở.

Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ.
Hồn ở đâu bây giờ?!"

Sau này, khi bài thơ Ông đồ đã trở thành một tác phẩm văn học đỉnh cao về niềm hoài cổ thì có người cho rằng, nếu Vũ Trọng Phụng là ông "vua cười", cười bật máu ra đầu ngòi bút thì nhà thơ Vũ Đình Liên phải là ông "vua khóc", khóc tuôn ra đầu ngòi bút những dòng nước mắt, tiếng khóc lay động cả những tâm hồn vô cảm nhất.

Tâm sự lại điều này với người bạn thơ già Tú Sốt, cụ Vũ Đình Liên mắt ngấn nước:

"Điều này, tôi phải giành giải nhất, tôi chẳng nhường cho bất cứ ai. Nhưng bạn ạ, có lúc tôi cảm giác bài thơ Ông đồ hình như không phải của mình mà là tiếng nói từ ngàn xưa vọng lại"...

Câu chuyện xúc động này được nhà thơ Tú Sốt ghi lại vào một chiếc băng cassette cũ kỹ, thi thoảng, nhớ bạn nhớ cảnh, nhớ tình, ông lại mang ra nghe để ngâm ngợi, đủ thấy mối thâm tình của hai tâm hồn hoài cổ đồng điệu.

Tôi chợt nhớ mấy vần thơ cuối trong bài thơ "Gửi tác giả bài thơ Ông đồ" của nhà thơ Tú Sốt:

"Ông đồ sống lại khóc nhà thơ.
Hay là xót mới với thương xưa.
Tiếng nấc nói liền bao thế kỷ.
Nhà thơ nay lại hóa thành thơ".

Những ông đồ hiện đại dù không khăn xếp, áo the nhưng có lẽ sự hướng thiện thành tâm với văn hóa cổ trong họ sẽ là một cầu nối thực tại với quá khứ, để mỗi cái Tết vẫn lưu giữ được hương vị truyền thống ngày xưa.

Phụ đính:

Vũ Trọng Phụng, bạn học của Vũ Đình Liên qua đời, ông điệu bạn mình bằng vào một bài thơ:

Thiên cổ vẫn hào anh Phụng ơi!
Ai hơn anh tha thiết tình người
Một thân mang cả muôn vàn nghiệp
Một phận đôi chung vạn ức đời

Tú Sốt Chu Thành (1930-2006): Tú Sốt tên thật là Chu Thành, sinh năm Canh Ngọ (1930), quê ở Diễn Tường, Diễn Châu, Nghệ An. Đây là một vùng quê "có tiếng" về nói trạng của xứ Nghệ. Chu Thành là con út trong gia đình, ngay từ khi lên 6, 7 tuổi đã được tiếp xúc với chữ nho, rồi được học chữ quốc ngữ. Lớn lên, Chu Thành vào bộ đội chống Pháp. Khi Thủ đô hoàn toàn giải phóng, ông về làm việc ở NXB Thanh Niên đến lúc nghỉ hưu (1989).

Cũng bắt đầu từ khi "cầm sỏ hưu", Chu Thành - Tú Sốt mới chính thức bắt đầu cầm bút lông, và học thêm ở các bậc túc nho đi trước như cụ Lê Xuân Hòa rồi gắn những năm cuối đời của mình với nhóm "Cảo thơm thư hiền" ở góc phố Bà Triệu. Ông đã mãi mãi trở thành "người muôn năm cũ" từ mùa xuân 2006.

Hàn nho mãi tự Vũ Đình Liên Nhật Chung

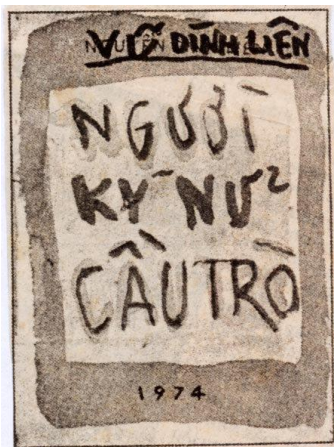
*(Họa sĩ Bùi Thanh Phương con trai
họa sĩ Bùi Xuân Phái trình bày)*

Trong một chuyến về quê, nhà thơ Vũ Đình Liên cùng người bạn địa phương đi qua cái cầu xi măng, cầu khá dài. Nhà thơ hỏi người bạn và được biết cầu tên là cầu Trò và lai lịch của cái tên. Nguyên ngày xưa có cô nhà trò đi hát đêm, sáng sớm về qua lạch nước con thì gặp mưa gió, bị cảm lạnh và chết. Dân làng đem chôn trên bờ ngòi và lập miếu thờ. Người bạn kể chuyện thật bình thản nhưng đã để lại cho người nghe niềm xúc động, xót thương day dứt.

Tác giả bài thơ Ông Đồ nghĩ đến số phận đáng thương của những người phụ nữ nghèo khổ, có nhan sắc, có tài hoa đã phải mang tài sắc ấy mua vui cho những kẻ quyền quý giàu sang, cuối cùng phải chết một cách đau thương như Đạm Tiên trong Truyện Kiều hay Phăng-tin trong Những người khốn khổ.

Trở về Hà Nội, nhà thơ Vũ Đình Liên bị ám ảnh khôn nguôi, trăn trở với câu chuyện thương tâm về người kỹ nữ tài sắc nhưng yếu mệnh, Vũ Đình Liên đã làm bài thơ *Người kỹ nữ cầu Trò*:

Đường về Hà Nội, cầu Trò qua
Nghe chuyện người xưa, dạ xót xa
Đêm tiệc ai say làm phách đổ
Mai sương người thắm lớp mưa sa
Hai manh xiêm áo, khôn ngăn giá
Nửa kiếp phong trần luống rụng hoa
Ví phỏng Nguyễn Du còn bút lệ
Đoạn trường thêm mấy khúc bi ca



*Bìa tập thơ chép tay Người kỹ nữ cầu Trò
do Bùi Xuân Phái trình bày*

Khi đã hoàn thành xong bài thơ, Vũ Đình Liên tâm sự với các bạn hữu : "Tôi vừa đặt bút thì bỗng nhiên thấy trong lòng có một rạo rức lạ lùng như có một sự cố gì bất thường sắp xảy ra. Một cơn gió lạnh nổi lên từ phía Bắc, thổi lùa vào cánh cửa phòng, đưa theo tiếng người vừa

xa, vừa gần, ngâm nga lời bài thơ như từ phương trời âm u nào vọng tới. Tôi vội vàng ghi lại và ngạc nhiên, hoảng hốt thấy bài thơ mới như họa đúng vắn bài trước của tôi". Bài thơ như sau:

Một mái liêu xiêu năm tháng qua
Bên cầu nắng dãi với mưa sa
Trăm năm chồng chất oan hồn nặng
Nửa kiếp lạnh lùng ân ái xa
Thuở mới trời nghiêng hồn xót nước
Chuyện xưa cảnh gãy khách thương hoa
Cõi âm bừng dậy hơi dương ấm
Lòng bắt đầu tan hận xướng ca

Ông kể, giữa đêm khuya thanh vắng khi ấy, chỉ thấy có tiếng gió nhẹ ngoài song, lại như nghe rõ tiếng nói người xưa, rồi chợt như thấy dưới ánh đèn khuya mờ ảo hình ảnh của một kỹ nữ yểu điệu ngồi trên chiếu hoa, nâng nhẹ hai chiếc dùi mỡ đầu một nhịp phách nửa buồn nửa vui tưởng như tiếng lệ rơi trên tà áo lụa, tiếng ngọc rơi trên mâm vàng... Một không gian mộng mị liêu trai làm lòng người xao động làm sao. Nhà thơ vội chép tiếp hai câu cuối của bài thơ:

Tạ lòng người biết nên chi được
Phách ngọc gieo thêm một nhịp vàng

Sáng hôm sau, ông dậy thật sớm và đem bản thảo bài thơ "Người kỹ nữ cầu Trờ" đi bộ đến "Gác treo tám thước nhà anh Phái / Một tiếng thơ ngâm sóng gió đầy" Đó là căn gác xép của Bùi Xuân Phái, các tiên sinh thừa đó vẫn thường gọi vui là "trụ sở". Nhà thơ Vũ Đình Liên hẳn làm được bài thơ nào hay là ông đến gặp Bùi Xuân Phái để đọc thơ và sau đó, nhà thơ khẩn khoản nhờ bạn vẽ minh họa bài thơ đó. Ban đầu nhà thơ Vũ Đình Liên và nhà Nhiếp ảnh Trần Văn Lưu có ý muốn đặt tên cho căn gác xép là "Đền Văn Hóa" Sau vì Bùi Xuân Phái nhận thấy có vẻ to tát quá, ngại, ông lắc đầu cười hiền lành : "Thôi các ông ạ!" Chắc là Bùi Xuân Phái ngại, không muốn gặp những rắc rối. Sau đó "Đền Văn Hóa" được đặt tên cho căn gác xép của cụ Lưu ở 11 Hàng Bông.

Nhà thơ Vũ Đình Liên cũng có làm một bài thơ về Bùi Xuân Phái, sau lần nhà thơ hỏi Bùi Xuân Phái, ban đầu đã khiến họa sĩ khá ngỡ ngàng vì tính lập trường của câu hỏi của Vũ Đình Liên : "Anh Phái ơi, lý tưởng sống của anh là gì?" Bùi Xuân Phái cười, đáp: "Lý tưởng sống của tôi là làm cho mọi người vui". Nghe trả lời, nhà thơ lấy làm tâm đắc và làm bài "*Gửi Bùi Xuân Phái*"

Người bảo tranh anh vốn sẵn buồn
Như thơ tôi vẫn cứ thương thương
Anh, tôi đâu phải không vui lắm
Nhân thế vì rằng chữa sướng luôn
Còn lẽ loài người da bọc thịt
Há như giống sói mõm phanh sườn
Thieu thân nghệ thuật là duyên nghiệp
Đốt trái tim trầm gửi gió hương

Ngâm tranh

Tranh ngấm lòng càng rộn ý thơ,
Cả hồn quía khứ xót ông đồ.
Ba vắn thơ đã khơi nguồn nhớ,
Mấy mảnh giấy còn chấp cánh mơ.
Thanh sắc chưa phai màu lệ cũ

Ảnh hình thắm đượm mối thương xưa
Hồn người nghiên bút nghìn năm trước
Khối hận đến giờ đã nhẹ chưa ...

Tình bạn Vũ Đình Liên với Bùi Xuân Phái và Trần Văn Lưu là nhóm ba người bạn văn nghệ, rất thân với nhau, ngày đó các tiên sinh được gọi vui là kiềng ba chân Lưu-Liên-Phái. Với nhà thơ Vũ Đình Liên, duyên nợ với "ÔNG ĐỒ" đã theo cùng ông đến hết cuộc đời. Sau bài thơ đã làm ông nổi tiếng và chỉ với một bài thơ đó đủ tôn xưng ông là nhà thơ, Vũ Đình Liên có làm thêm 3 bài thơ tiếp theo chủ đề Ông Đồ nhưng không thể hay được như bài đầu tiên:

Ông đồ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài
"Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay"

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu

Ông đồ vẫn ngồi đó
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?



Bìa vẽ tay cho tập thơ

*"Đốt trái tim trầm gửi gió hương"
của Bùi Xuân Phái*

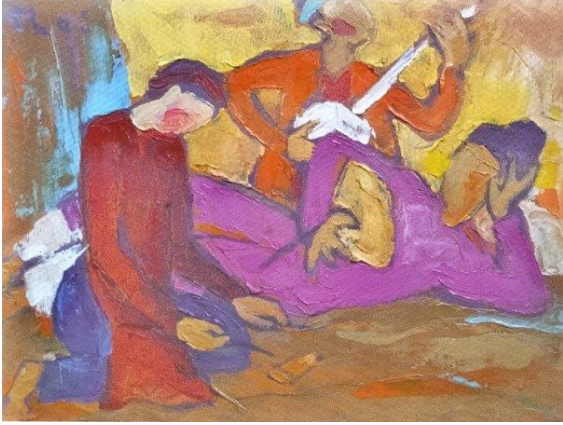
Giữa ban ngày đốt đuốc
Tìm một tấm lòng nhân

Sinh thời bác Vũ Đình Liên hay nói câu nguyên văn bằng tiếng Pháp "Mieux vaut tard que jamais!" Khi có người cười, bình về câu thơ của ông, họ nói tìm một tấm lòng nhân trong thời buổi bây giờ khó lắm Ông bảo muện còn hơn không bao giờ tìm.

Nhớ về nhà thơ Vũ Đình Liên, tôi thấy ông có tấm lòng bao dung và thương yêu người nghèo thật hiếm có. Thừa ấy, cá tính của nhà thơ thường bị mọi người cho là gàn, leng keng. Thời bao cấp, hệ cơ quan phân phối cho ông cân thịt hay mét vải, thế là ông cầm ngay lấy nó và hăm hở đi khắp trong thành phố tìm người hành khát đầu tiên mà ông gặp để cho. Ngày Tết, Vũ tiên sinh bỏ nhà đi, ông đem theo mấy chiếc bánh chưng đi du hành cùng với ... túi thơ, tình cờ nhà thơ gặp một người đàn bà điên đang đi ăn xin. Vũ tiên sinh bóc bánh chưng và mời người đàn bà điên cùng ăn, và rồi nhà thơ họ Vũ đề nghị được kết nghĩa chị em với người đàn bà điên ấy.

Sau đó nhà thơ có sáng tác tập thơ với tiêu đề "*Người đàn bà điên ga Lưu Xá*" và đem tập bản thảo đó nhờ Bùi Xuân Phái trình bày bìa và bên trong có những phụ bản minh họa đẹp tuyệt vời. Tôi có được xem cả tập thơ ấy và những tác phẩm minh họa của BXPhái. Rất tiếc là sau khi Vũ Đình Liên qua đời, tập thơ "*Người đàn bà điên ga Lưu Xá*" cùng với những họa phẩm minh họa độc đáo của danh họa Bùi Xuân Phái cũng đi theo "*Những người muôn năm cũ*", và không ai biết được tập bản thảo ấy "*Hồn ở đâu bây giờ?*"





*Người kỹ nữ cầu Trò
tranh Bùi Xuân Phái*



*Ông đồ
tranh cắt giấy của Bùi Xuân Phái*



*Ông đồ Vũ Đình Liên ngồi viết câu đối,
nhiếp ảnh Trần Văn Lưu đội mũ phớt đi
đôi guốc mộc ngồi xem
(chữ ở câu đối : Tay với bút không già)
Qua cái nhìn hài hước của Bùi Xuân Phái*



Chân dung nhà thơ Vũ Đình Liên qua cái nhìn hài hước của Bùi Xuân Phái. Vũ Đình Liên cũng là dịch giả Tập thơ "Les fleurs du Mal" (Những bông hoa ác) của Baudelaire, nên Bùi Xuân Phái thường gọi vui tên của nhà thơ là : BaudeLiên



*Chân dung Vũ Đình Liên
qua nét vẽ của Bùi Xuân Phái*

Bùi Xuân Phái (1920 - 1988):

Quê gốc ở Vân Canh, Hoài Đức Hà Đông. Ông tốt nghiệp khoa Hội họa trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khoá 1941 - 1946, tham gia kháng chiến, đồng thời tham dự nhiều triển lãm chung với các họa sĩ khác. Năm 1952 ông về Hà Nội, sống và sáng tác tại nhà (số 87 Phố Thuốc Bắc) cho đến khi mất. Từ năm 1956 đến năm 1957, Bùi Xuân Phái giảng dạy tại Trường Mỹ thuật Hà Nội, khi xảy ra phong trào Nhân văn Giai phẩm, họa sĩ phải đi lao động, học tập trong một xưởng mộc tại Nam Định và ban giám hiệu nhà trường đã đề nghị ông viết đơn xin ngưng giảng dạy tại trường Mỹ thuật.

Bùi Xuân Phái là một trong những họa sĩ thuộc thế hệ cuối cùng của sinh viên trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Ông chuyên về sơn dầu, đam mê mảng đề tài phố cổ Hà Nội. Từ lúc sinh thời, sáng tạo của ông đã được quần chúng mến mộ gọi dòng tranh này là Phố Phái.

Phụ đính:

Bùi Xuân Phái và Vũ Đình Liên là đôi bạn tâm giao cùng hoài cảm cảnh xưa người cũ. Trước đó khi họ chưa gặp nhau, tình cờ Bùi Xuân Phái đọc được bài thơ Ông Đồ, họa sĩ có cảm hứng và vẽ bức tranh Ông Đồ xuất thần đến độ chính ông Vũ Đình Liên cũng phải thừa nhận lột tả cái thần hay hơn cả bài thơ của ông.

Sau đó, nhà thơ Vũ Đình Liên có làm bài thơ "Gửi Bùi Xuân Phái" :

Người bảo tranh anh vốn sẵn buồn
Như thơ tôi vẫn cứ thương thương
Anh, tôi đâu phải không vui lắm
Nhân thế vì rằng chữa sượng luôn
Còn lẽ loài người da bọc thịt
Há như giống sói mõm phanh sườn
Thieu thân nghệ thuật là duyên nghiệp
Đốt trái tim trầm gửi gió hương

Trước khi viết bài thơ Ông Đồ, nhà thơ Vũ Đình Liên, có sáng tác một bài thơ rất cảm động nhan đề *Hồn Xưa*. Bài này rất ít người biết, lục tìm trong tuyển thơ của Vũ Đình Liên cũng không thấy có, nên chỉ có thể tìm đến sổ tay của người yêu thơ :

Lặng lẽ trên đường lá rụng mưa bay
Như kêu gọi nỗi niềm thương tiếc
Những cảnh và những người đã chết
Tự bao giờ mà nay biết tìm đâu
Những cảnh xưa rục rở đến trăm màu
Mà êm ả, mà tưng bừng, mà bé nhỏ
Đẹp như bức tranh, hay như bài thơ cổ
Những ngày xưa yên lặng nhẹ nhàng
Có những điều ước vọng mơ màng
Mà bây giờ chúng ta không còn nữa
Nhưng biết tìm đâu những cảnh xưa người cũ
Lặng lẽ bên đường lá rụng mưa bay.

Nhớ về nhà thơ Vũ Đình Liên, tôi thấy ông có tấm lòng bao dung và thương yêu người nghèo hiếm có khó tìm. Thừa ấy, cá tính của Vũ tiên sinh thường bị mọi người cho là gàn, leng keng. Thời bao cấp, hễ cơ quan phân phối cho ông cân thịt hay mét vải, thế là ông cầm nó và hăm hở đi khắp trong thành phố tìm người hành khất đầu tiên mà ông gặp để cho. Ngày Tết, Vũ tiên sinh bỏ nhà đi, ông đem theo mấy chiếc bánh chưng đi du hành cùng với...túi thơ, tình cờ nhà thơ gặp một người đàn bà điên đang đi ăn xin. Vũ tiên sinh bóc bánh chưng và mời người đàn bà điên cùng ăn, và rồi nhà thơ họ Vũ đề nghị được kết nghĩa chị em với người đàn bà điên ấy. Sau đó nhà thơ có sáng tác tập thơ với tiêu đề "Người đàn bà điên ga Lưu Xá" và đem tập bản thảo đó nhờ Bùi Xuân Phái trình bày bìa và bên trong có những phụ bản minh họa đẹp tuyệt vời. Tôi có được xem cả tập thơ ấy và những tác phẩm minh họa của BXPhái. Rất tiếc là sau khi Vũ Đình Liên qua đời, tập thơ "Người đàn bà điên ga Lưu Xá" cùng với những họa phẩm độc đáo của danh họa Bùi Xuân Phái cũng đi theo "Những người muôn năm cũ", và không ai biết được tập bản thảo ấy "Hồn ở đâu bây giờ ?"

Vài mẩu chuyện vui về nhà thơ Vũ Đình Liên

* Một lần nhà thơ Vũ Đình Liên hớn hờ đến nhà Bùi Xuân Phái khoe kể chuyện ông vừa được vinh danh là ông hoàng. Mọi người ngạc nhiên hỏi khi nào ,bao giờ,ở đâu,thì Vũ tiên sinh kể :
-Vừa mới đây thôi,khi tôi đang đi bộ lững thững dưới lòng đường thì bị một anh lái xe thò đầu ra cửa kính,quát lên : " Nhà ông này sao đi nghênh ngang như ông hoàng " nhà thơ tỏ ra thích thú vì theo ông "Chưa bao giờ có ai gọi mình là ông hoàng" Nghe vậy,có người góp ý "Ông hoàng sao bằng nhà thơ ."Vũ Đình Liên ngẩn ra vì sượng,ông vỗ tay vào đùi,nói :
-Ừ,đấy là tôi kể chuyện thời sự nó vừa xảy ra trên đường mình đi,chứ bảo tôi hoán đổi chức danh nhà thơ để trở thành ông hoàng,xin thưa, không bao giờ tôi thêm.

* Nhà thơ Vũ Đình Liên cứ sáng tác được bài thơ nào thì người đầu tiên phải chịu trận,nghe thơ của ông lại là Bùi Xuân Phái. Nhà thơ trèo lên căn gác xép của họa sĩ và đọc thơ vang lên ở trên đó,chính Vũ tiên sinh cũng có câu thơ mô tả hình ảnh này :

Gác treo tám thước nhà anh Phái
Một tiếng thơ ngâm sóng gió đây

Và hầu như bài thơ nào của Vũ Đình Liên cũng được Phái vẽ minh họa. Thờì các ông chưa có máy photocopy,nên muốn tự ra một tập thơ,nhà thơ phải chép tay ra vài ba quyển để tặng bạn bè ,và cũng lại do BXPhái trình bày bìa .Thế nên Vũ Đình Liên cũng có bài thơ "Sách chưa kịp in đã có bìa"

*Nhớ có lần BXPhái đã vẽ bức tranh để minh họa cho bài thơ của Vũ Đình Liên . Khi BXP vẽ xong bức tranh ấy, ông chọn một câu trong bài thơ : " Đốt Trái Tim Trầm Gửi Gió Hương" và ông vẽ chữ lên bức tranh đó (người ta vẫn nói vui như thế, vì chữ viết của ông trên tranh trông như vẽ chứ không phải là viết) Sau đó có người khách hỏi mua,BXP nói :

- Đã mang tinh thần: " Đốt Trái Tim Trầm Gửi Gió Hương" vậy mà bây giờ còn muốn đem ra mua bán sao ?Như thế chỉ là người muốn nói cho sượng cái miệng mà thôi.

BXPhái bèn sai tôi cầm bức tranh đó đi tìm nhà thơ Vũ Đình Liên để giao gửi tác phẩm ấy cho nhà thơ.

*Một lần Bùi Xuân Phái có việc gấp phải đi ra khỏi nhà,ông đi ra cổng thì chạm trán Vũ Đình Liên đi vào. Bùi Xuân Phái tế nhị, muốn tránh cho bạn khỏi phải nhận lời xin lỗi của mình,ông vội trèo lên cái cối đá vốn nằm úp ở sân và Phái đứng im, giả làm bức tượng.Vũ tiên sinh lững thững đi qua "bức tượng"mà không hề hay biết gì.

Vũ Đình Liên – Ông đồ vẫn ngồi đấy Đỗ Ngọc Thạch

Vũ Đình Liên (1913 -1996): là một nhà thơ, nhà giáo, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân năm 1991.Ông sinh tại Hà Nội, quê gốc ở thôn *Châu Khê*, xã *Thúc Kháng*, huyện Bình Giang, Hải Dương; đỗ tú tài trường Bưởi năm 1932, ông từng dạy học ở các trường tư thục Thăng Long, Gia Long, Trường nữ sinh Hoài Đức ; sau ông học thêm trường Luật.

Năm 1936 Vũ Đình Liên nổi danh với bài thơ *Ông đồ* đăng trên báo *Tinh Hoa*. Thơ Vũ Đình Liên được đăng rải rác trên các báo : *Loa* , *Tinh Hoa*, *Phong Hóa*, *Phụ nữ Thời đàm*. Có một thời đảm nhiệm việc quản lí cho báo *Tinh Hoa*. Ông từng chủ trương *Revue pédagogique* và làm tham tá Sở Thương chánh Hà Nội. Ông tham gia giảng dạy nhiều năm và từng là chủ nhiệm khoa tiếng Pháp trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Ngoài thơ ông còn hoạt động trong lĩnh vực lý luận, phê bình văn học và dịch thuật, thành viên “Nhóm Lê Quý Đôn” (1). Ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt nam.

Tác phẩm chính:

Một số bài thơ: *Ông đồ*, *Lòng ta là những hàng thành quách cũ*, *Lũy tre xanh*, *Người kỹ nữ Cầu Trò* (1973), *Người đàn bà điên ga Lưu Xá* (1977), *Gặp lại người đàn bà điên* (1987), *Người điên - Nàng Tiên* (1992)...

Sách đã xuất bản: *Đôi mắt* (thơ - 1957); *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* (cùng Nhóm Lê Quý Đôn -1957) ; *Nguyễn Đình Chiểu - Nhà chí sĩ yêu nước* (1957); *Thơ Baudelaire* (2) (dịch-1995); *Thơ Vũ Đình Liên* (NXB Văn hóa, 1996).

Tập thơ *Les fleurs du Mal* (*Những bông hoa ác*) của Baudelaire, một công trình nghiên cứu và dịch sau gần 40 năm của Vũ Đình Liên đã được tặng giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1996, nhưng ông đã ra đi mà không kịp nhận giải thưởng...

*

Mặc dù đã nổi danh trong phong trào Thơ mới nhưng cho đến khi được Hoài Thanh - Hoài Chân chọn thơ giới thiệu trên cuốn *Thi nhân Việt Nam*, Vũ Đình Liên chưa xuất bản một tập thơ nào. Đầu năm 1941, trong một bức thư gửi Hoài Thanh, lúc Hoài Thanh làm cuốn *Thi nhân Việt Nam*, Vũ Đình Liên viết "*Tôi bao giờ cũng có cái cảm tưởng là không đạt được ý thơ của mình. Cũng vì không tin thơ tôi có chút giá trị gì nên đã lâu tôi không làm thơ nữa*". Hoài Thanh nhận xét Vũ Đình Liên hạ mình quá đáng, nhưng ông cũng hiểu nỗi đau của Vũ Đình Liên. Những bài thơ hiếm hoi được biết đến của ông đều mang nặng nỗi niềm hoài cổ, về lũy tre xưa, về thành quách cũ và "những người muôn năm cũ". Hoài niệm của ông cũng là nỗi niềm của nhiều người và bức tranh bằng thơ về *Ông Đồ* vẫn sẽ còn mãi với thời gian:

*... Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay
Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

Lời giới thiệu Vũ Đình Liên của Hoài Thanh - Hoài Chân trong *Thi Nhân Việt Nam* thật là trân trọng và đã chỉ ra đúng cái "*nguồn thi cảm*" của thơ Vũ Đình Liên là "*Lòng thương người và tình hoài cổ*", mà mãi cho đến những ngày tháng cuối đời, vẫn thủy chung như nhất:

"Có những nhà thơ không bao giờ có thể làm được một câu thơ - tôi muốn nói một câu đáng gọi là thơ. Những người ấy hẳn là những người đáng thương nhất trong thiên hạ. Sao người ta thương hại những kẻ bị tình phụ nuôi một giấc mộng ái ân không thành, mà không ai thương lấy những kẻ mang một mối tình thơ u uất chịu để tan tành giấc mộng quý nhất và lớn nhất ở đời: giấc mộng thơ?"

Hôm nay trong khi viết quyển sách này, một quyển sách họ sẽ xem như một sự mỉa mai đau đớn, thơ Vũ Đình Liên bỗng nhắc tôi nghĩ đến những con người xấu số kia.

Tôi có cần phải nói ngay rằng Vũ Đình Liên không phải một người xấu số? Trong làng Thơ Mới, Vũ Đình Liên là một người cũ. Từ khi phong trào Thơ Mới ra đời, ta thấy có thơ Vũ Đình Liên trên các báo. Người cũng ca tình yêu như hầu hết mọi nhà thơ hồi bấy giờ. Nhưng hai nguồn thi cảm chính của người là lòng thương người và tình hoài cổ. Người thương những kẻ thân tàn ma dại, người nhớ những cảnh cũ người xưa. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và đã để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: *Ông đồ*. Ông đồ năm năm đến mùa hoa đào, lại ngồi viết thuê bên đường phố. "*Ông chính là cái di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn*"(3). Ít khi có một bài thơ bình dị mà cảm động như vậy. Tôi tưởng như đọc lời sám hối của cả một bọn thanh niên chúng ta đối với lớp người đương đi về cõi chết. Đã lâu lắm chúng ta chỉ xúm nhau lại chế giễu họ quê mùa, mặt sán họ hủ lậu... Cái cảnh thương tâm của nền học Nho lúc mặt vận chúng ta vô tình như không lưu ý. Trong bọn họ, chúng ta vẫn có một hai người ca tụng đạo Nho và các nhà nho. Nhưng chế giễu mặt sán không nên, mà ca tụng cũng không được. Phần đông các nhà nho còn sót lại chỉ đáng thương. Không nghiên cứu, không lý luận, Vũ Đình Liên với một tấm lòng dễ cảm nhận ra sự thực ấy và gián tiếp chỉ cho ta cái thái độ hợp lý hơn cả đối với các bậc phụ huynh của ta. Bài thơ của người có thể xem là một nghĩa cử.

Theo đuổi nghề văn mà làm được một bài thơ như thế cũng đủ. Nghĩa là đủ để lưu danh, đủ với người đời. Còn riêng đối với thi nhân thực chưa đủ. Tôi thấy Vũ Đình Liên còn bao nhiêu điều muốn nói, cần nói mà nghẹn ngào không nói được. "*Tôi bao giờ - Lời Vũ Đình Liên - cũng có cái cảm tưởng là không đạt ý thơ của mình. Cũng vì không tin thơ tôi có một chút giá trị nên đã lâu tôi không làm thơ nữa*"(4). Vũ Đình Liên đã hạ mình quá đáng, chúng ta đều thấy. Nhưng chúng ta cũng thấy trong lời nói của người một nỗi đau lòng kín đáo. Người đau lòng thấy ý thơ không thoát được lời thơ như linh hồn bị giam giữ trong nhà tù xác thịt. Có phải vì thế mà hồi 1937, trước khi từ giã thi đàn, người đã gửi lại đôi vần thơ u uất:

*Nặng mang mãi khối hình hài ô nhục.
Tâm hồn ta đã nhọc tự lâu rồi!
Bao nhiêu xanh thắm thắm trên bầu trời;
Bao bóng tối trong lòng ta vẫn đục!*

Nghĩ cũng tức! Từ hồi 1935 tả cảnh thu, Vũ Đình Liên viết:

*Làn gió heo may xa hiu hắt,
Lặng lòng chẳng biết tiễn đưa ai!*

Hai câu thơ cũng sạch sẽ, dễ thương. Nhưng làm sao người ta còn nhớ được Vũ Đình Liên khi người ta đã đọc, bốn năm sau mấy câu thơ Huy Cận cùng một tứ:

*Ôi! nắng vàng sao nhớ nhung!
Có ai đàn lẻ để tơ chùng?
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Xui bước chân đây cũng ngại ngừng...*

Cũng may những câu thơ hoài cổ của Huy Cận:

*Bờ tre rung động trống trâu,
Tưởng chừng còn vọng trên lầu ả quan,
Đêm mơ lay ánh trăng tàn,
Hồn xưa gửi tiếng thời gian, trống dòn.*

Những câu thơ tình nhẹ nhàng, từ xa vắng chưa đến nỗi làm ta quên cái lòng hoài cổ âm thầm, u tịch của Vũ Đình Liên:

*Lòng ta là những hàng thành quách cũ,
Tự ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa.*

Septembre 1941

Ông Đồ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài
"Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay".

Nhưng mỗi năm mỗi vắng.
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thấm
Mực đọng trong nghiên sầu...

Ông đồ vẫn ngồi đấy,
Qua đường không ai hay.
Lá vàng rơi trên giấy;
Ngoài trời mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Bài *Lòng ta là những hàng thành quách cũ* cùng giới thiệu trong Thi Nhân Việt Nam với bài *Ông Đồ* của Vũ Đình Liên tuy chưa đủ tầm xếp vào hàng "Kiệt tác" như *Ông Đồ* nhưng cũng khá đặc sắc. Khi các thi sĩ đắm mình vào đề tài hoài cổ, thường là khóc than cho những số phận bi tráng cùng những cuộc tình đẫm lệ của anh hùng và mỹ nhân, chẳng hạn như *Tiếng địch sông Ô*, *Tây Thi*, *Huyền Trân công chúa*... của Huy Thông; Nhưng Vũ Đình Liên đã nghe thấy một âm thanh khác từ ngàn xưa vọng về: đó là tiếng loa xưa! *Lòng ta là những hàng thành quách cũ* là hình ảnh tĩnh, nhưng trong cái tĩnh lại có cái động, là tiếng loa xưa, nhờ thế bài thơ tạo nên một dư âm đặc biệt. Đó chính là nguồn thi hứng về lịch sử, về dân tộc - điều này thường chỉ thấy ở những nhà thơ yêu nước cỡ như Phan Bội Châu...

Lòng ta là những hàng thành quách cũ
Dậy đi thôi con thuyền nằm dưới bến,
Vì đêm nay ta lại căng buồm đi...
Mái chèo mơ để băng khuâng trôi đến
Một phương giờ mây lợc lóng giăng khuya.

Gió không thổi, nước sông trôi giá lạnh
Thuyền đi trong bóng tối lữ thành xưa.
Trên chòi cao, tự ngàn năm sực tỉnh
Trong giếng khuya bỗng vang tiếng loa mơ.

Tự ngàn năm cả hồn xưa sực tỉnh,
Tiếng loa vang giầy lát động giếng khuya.
Nhưng giầy lát lại rơi im, hiu quạnh,
Cả hồn xưa yên lặng trong giếng khuya.

Trôi đi thuyền! cứ trôi đi xa nữa!
Vỗ giếng khuya bơi mãi! Cánh chèo mơ!
Lòng ta là những hàng thành quách cũ,
Tự ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa.

Bài thơ Ông Đồ của Vũ Đình Liên gợi nhớ Phong tục viết câu đối Tết ngày xưa, một nét đẹp của truyền thống văn hóa:

"... Những ông đồ nghèo đã thuê mượn từ 10 ngày trước tết, một dãy vỉa hè hay mặt tiền của một căn nhà, một góc phố - viết trên những tờ giấy màu đỏ những nét chữ vàng hay bạc... để nhận lấy một số tiền nhỏ nhoi. Nếu trong năm, nhà có tang chế, ông đồ dùng loại giấy màu vàng hay xanh lá cây. Cái tác dụng thần bí ấy đã thúc đẩy người ta phải chi phí một số tiền để mua sắm, trang hoàng ở cửa, ở cột, ở sàn nhà... hoặc trên tường, trên vách... những loại xuân liễn, những câu đối. Mặc dù nền nho học đã cáo chung, nhưng những thầy đồ vẫn xuất hiện trong lớp áo xơ bông, ngói run lập cập trên manh chiếu để nắn nét những con chữ Nho cuối cùng và cảm lạnh ấy". Đó là một đoạn mô tả của một người Pháp viết trên tuần báo Đông Dương năm 1942.

Còn ở những phiên chợ Tết các vùng quê, các Ông Đồ dựng một cái lều nhỏ. Trước cửa lều, ông đồ viết hai chữ đại tự "xuân liễn" vào giấy hồng điều cho khách hàng đến nhận. "Đồ nghề" của ông chỉ có cái tráp, mấy ngòi bút lông lớn nhỏ, một nghiên mực mài sẵn, một tập giấy hồng điều hay giấy gạch cua đã rọc và chép sẵn. Người đi chợ cứ việc ghé vào lều xem câu đối ăn vào cảnh nào? Để thờ ai? Và dán ở đâu?

Ông đồ không cần phải nghĩ ngợi mà cầm bút chấm vào nghiên mực, rồi viết ngay, tính tiền độ hai hào một câu đối. Nếu là câu đối dán ngoài cửa ngõ, ông đồ có thể viết:

*Vạn lý dương hòa xuân hữu cước
Nhất niên quang cảnh nguyệt đương đầu.
(Muôn dặm khí dương hòa xuân đã đến nơi
Quang cảnh suốt cả năm không bao giờ đẹp bằng tháng đầu năm).*

Nếu ngoài hiên nhà thì:

*Đình tiền trúc báo bình an tự
Môn ngoại mai truyền phú quý hoa.
(Trước sân trúc báo chữ bình yên
Ngoài cửa mai truyền hoa phú quý).*

Nếu là câu đối dán trong nhà, ông viết vào một câu quen thuộc:

*Thiên tăng tuế nguyệt, nhân tăng thọ
Xuân mãn càn khôn phúc mãn đường.
(Trời thêm năm tháng, người thêm tuổi thọ.
Xuân đầy cả trời đất, phúc đầy nhà).*

Nếu dán ở hai bên bàn thờ tổ tiên thì hầu hết các câu đối đều ca tụng công ơn tổ tông, con cháu sẽ tiếp nối muôn đời:

*Tổ tông công đức thiên niên thịnh
Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.
(Công đức của tổ tiên ngàn năm thịnh
Cháu hiền, con hiếu muôn đời tốt đẹp).*

Ở Thủ đô Hà Nội, hình ảnh Ông Đồ ngồi viết câu đối Tết dường như không bao giờ mất đi. Có một đạo, trên đường Bà Triệu, chỗ số nhà 62 là cơ quan của Trung ương Đoàn (trong đó có Nhà xuất bản Thanh niên, NXB Kim Đồng, Tạp chí Thanh niên, là những cơ quan trực thuộc TƯ Đoàn), là một địa điểm viết câu đối Tết rất nổi tiếng. Lề đường khá rộng, các Ông đồ ngồi viết thoải mái, tường ngăn khu nhà với mặt đường lại có hàng cọc sắt, có thể treo những câu đối đã viết sẵn thoải mái! Đường phố Bà Triệu này cũng gần nhà Vũ Đình Liên - “Cha đẻ” của Ông Đồ xưa, nên Vũ Tiên sinh cũng thường tới thăm các ông đồ thời nay. Và điều lý thú nữa là “thủ lĩnh” của địa điểm viết câu đối Tết này lại là nhà thơ Tú Sốt (5) - một đệ tử trung thành của Ông Đồ xưa!.. Và một địa chỉ viết câu đối của các ông đồ thời nay cũng nhiều người biết là ở Văn Miếu Quốc Tử Giám. Lúc thưa vắng, lúc tấp nập nhưng những ông đồ thời nay ở Văn Miếu không bao giờ bỏ cuộc! Nhìn họ viết câu đối chẳng khác như bài thơ Ông Đồ đã miêu tả:

*“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay”.*

Như đã nói ở trên, trong lời bình thơ Vũ Đình Liên, Hoài Thanh có viết “hai nguồn thi cảm chính của người là lòng thương người và tình hoài cổ. Người thương những kẻ thân tàn ma dại, người nhớ những cảnh cũ người xưa”. Và có thể nói thêm, hai nguồn thi cảm ấy không bao giờ rời rạc cho đến khi Vũ Đình Liên trở thành người của muôn năm cũ. Không phải như Hoài Thanh đã viết là Vũ Đình Liên đã từ giã Thi đàn từ năm 1937, mà ông đã luôn luôn tràn đầy thi hứng cho đến lúc Trái Tim nhân ái ngừng đập! Vì thế, những bạn bè, học trò, người quen biết ông đều gọi ông là Nhà thơ của tình thương, hoặc có khi gọi vắn tắt là “Ông già Thơ”...

Nỗi ưu tư về bản thân, cha bị mù lòa, mẹ sống trong cảnh nghèo khó phải nuôi chồng con cùng với nỗi đau buồn về thời cuộc và thế thái nhân tình đã luôn xâm chiếm tâm hồn nhà thơ. Khi gặp những cảnh ngộ buồn đau, Trái tim nhà thơ lại đập gấp... Một hôm, vào năm 1973, khi từ Sơn Tây về Hà Nội, nhà thơ dừng chân lại tại Cầu Trò để thăm hỏi sự tích cây cầu. Nguyên ngày xưa có cô nhà trò (còn gọi là ả đào, cô đầu) đi hát thâu đêm, sáng sớm về qua lạch nước con thì gặp mưa gió, bị cảm lạnh và chết. Dân làng đem chôn trên bờ ngòi và lập miếu thờ. Do cảm xúc cuộc đời của cô gái hát ả đào nghèo (người xứ Đoài gọi là hát nhà trò) đã chết tại cây cầu này (vì bị nhiễm lạnh khi đi hát về khuya) mà ông đã cảm tác bài thơ *Người kỹ nữ cầu Trò* để lại nơi dân làng đã lập miếu Trò để thờ hồn thiêng của cô:

*"Đường về Hà Nội, cầu Trò qua
Nghe chuyện người xưa dạ xót xa*

*Đêm tiệc ai say làm phách đổ
Mai sương người thắm lớp mưa sa
Hai mảnh áo xiêm khôn ngàn giá
Một kiếp phong trần luống rụng hoa
Vị phông Nguyễn Du còn bút lệ
Đoạn trường thêm mấy khúc bi ca"*

Bạn bè thân thuộc ai cũng không quên được hình ảnh: hàng năm, mỗi khi đến giao thừa, Vũ Đình Liên lại khoác cái túi nhỏ lên vai đựng tiêu chuẩn Tết đã được phân chia thành nhiều phần để du xuân tại các bến tàu, bến xe - nơi có nhiều cụ già, cháu bé lang thang, cơ nhỡ đang cần đến những chút bánh trái để đón xuân....

Ở Hà Nội có ba địa chỉ gắn bó sâu sắc với Vũ Đình Liên. Đó là Chùa Bộc, ngôi nhà 156B Bà Triệu và 11 phố Hàng Bông. Có thời gian ông sống từ bi, ẩn dật trong Chùa Bộc. Thời gian sống ở đây đã khiến ông suy ngẫm rất nhiều về đạo Phật. Vốn là người hướng nội, gần gũi với thập loại chúng sinh, hồn thơ ông càng thấm đẫm tinh thần bác ái của nhà chùa. Ông viết về Phật Bà Quan Âm:

*Nghìn mắt không nhìn hết khổ đau,
Nghìn tay nâng chẳng nhẹ u sầu.*

Triết lý về đời sống theo cảm nhận của riêng ông:

*Đời người là đau khổ,
Tình người là xót thương.*

Ngôi nhà ở phố Bà Triệu là nơi ông sống những năm cuối đời. Trên hè phố Bà Triệu, nhiều người thường gặp ông nhẵn nha đi bộ, gương mặt phúc hậu, mái tóc bạc, vầng trán mênh mông, bên hông lúc nào cũng đề nặng chiếc cặp da đen sòn cũ, đầy ắp sách vở, tư liệu, bản nháp thơ và chắc chắn trong đó không thể thiếu toàn tập thơ Baudelaire bằng tiếng Pháp và bản dịch của ông. Vũ Đình Liên rất mê Baudelaire. Ông đã dịch "*Những bông hoa ác*" và hàng trăm bài thơ của tác giả này. Ông say mê đến mức mọi người gọi ông là Bôđơ... Liên. Và có nhà thơ Pháp đã gọi ông là "Baudelaire Vietnamien".

Ngôi nhà 11 phố Hàng Bông thường được gọi là Góc Lưu xá, là một nơi chốn đầy ý nghĩa trong đời sống tinh thần của Vũ Đình Liên. Đây là nhà riêng của nghệ sĩ nhiếp ảnh Trần Văn Lưu, một người nổi tiếng trong giới văn nghệ sĩ Thủ đô. Ông đã lưu giữ được nhiều tấm ảnh, bức tranh và tư liệu văn học nghệ thuật quý hiếm. Ngôi nhà này là nơi gặp gỡ và đàm đạo văn chương của ba nghệ sĩ: nhà thơ Vũ Đình Liên, họa sĩ Bùi Xuân Phái (6) và nhà nhiếp ảnh Trần Văn Lưu. Do đó căn gác này còn những tên gọi khác nữa là "Lầu Tình bạn" hay "Bảo tàng Lưu - Liên - Phái". Tại đây có treo đôi câu đối: *Nhân loại xây Đền Văn hóa mới - Hòa bình dựng Tháp Đại đồng xưa*, do Vũ Đình Liên làm và Bùi Xuân Phái viết. Tại ngôi Đền Văn hóa này, vào dịp kỷ niệm ngày sinh, ngày giỗ của Nguyễn Du, Lê Quý Đôn, Nguyễn Đình Chiểu, Hugo, Baudlaire... trăm hương trên bàn thờ lại thành kính tỏa khói nghi ngút để tưởng nhớ những bậc tài danh của đất nước và nhân loại.

Nhắc đến Vũ Đình Liên, người ta thường nghĩ đến Ông đồ mà ít người biết tới một chùm thơ về người đàn bà điên khá độc đáo. Có thể nói chùm thơ này biểu hiện khá đậm nét phong cách thơ Vũ Đình Liên sau 1945, thể hiện rõ nét sự ảnh hưởng sâu sắc thơ Baudelaire, từ nghệ thuật cấu tứ cho đến hình ảnh, ngôn từ, âm điệu.

Tết Bình Thìn (1977), nhà thơ lên Thái Nguyên. Khi tàu hỏa đến ga Lưu Xá, cách thị xã Thái Nguyên khoảng 10 km, ông gặp một người đàn bà điên áo quần tả tơi, ngồi bệt dưới sàn tàu. Người điên và nhà thơ nhìn nhau xót đau, thương cảm mà không nói nên lời. Nhà thơ lấy trong túi xách ra một góc bánh chưng, một gói mứt sen nhỏ, hai tay nâng món quà Tết trao cho người đàn bà điên. Ngay đêm hôm đó bài thơ *Người đàn bà điên ga Lưu Xá* hình thành. Hãy đọc đoạn mở đầu khi mới thoạt nhìn thấy người đàn bà điên:

"Người đàn bà điên ga Lưu Xá
Ngồi ngay trước mặt dưới chân tôi
Ai vẽ được thiên tài hội họa
Chân dung kia kinh tởm tuyệt vời
Công chúa điên rồ và rách rưới
Hình ảnh lạ lùng chữa có hai
Cả tường tượng Đông Tây cộng lại
Khôn dựng nên dù một phần mười
Bao tải xơ, ni lông nát vụn
Sợi dây thừng buộc mũ rách bông
... Tôi ngồi ngấm mắt không hề rời
Đống rác kia xưa đã là hoa...
Ai dun dủi và ai sắp đặt
Một nhà thơ với một người điên
Tôi bắt gặp ba lần cặp mắt
Nhẹ cảm thù như muốn làm duyên"...

Và đoạn tặng người đàn bà điên món quà Tết:

"Người nhận quà đưa tay đón tay
Chẳng rằng chẳng nói mặt như ngây
Chia tay không một lời hò hẹn
Hai mặt ảnh hình bốn mắt ghi...
Tôi đi tìm đến những người thân
Bè bạn cháu con xa với gần
Ngày Tết cổ truyền vui thiếu đủ
Nhìn mặt người như ngắm hoa xuân
Còn tôi biết cuộc đời đã trút
Lên hoa kia sương tuyết nặng dày
Đời độc ác lòng người bội bạc
Làm hoa kia thành đồng rác này
Đời sẽ đổi lòng người sẽ đổi
Sẽ trở về tình xót nghĩa thương
Hãy trút hết áo quần hôi thối/
Cho thịt da lại tỏa hương thơm
Người em Lưu Xá ở đâu đây
Có thấy ám lòng xuân nắng hây
Một đóa hoa tàn nay nở lại
Thắm hồng trong buổi mới xuân nay".

Mười năm sau, 1987 cũng ở ga Lưu Xá, nhà thơ gặp lại người đàn bà đó, tuy vẫn còn hoang dại nhưng đã bớt phần rách rưới điên loạn. Dưới bóng trăng mờ, người đàn bà nắm tay nhà thơ và đưa tiễn ông đến hai ga sau. Ngay sau đó ông sáng tác bài thơ *Gặp lại người đàn bà điên* ghi lại cảm xúc của mình. Năm năm sau, 1992 người đàn bà đến tìm nhà thơ ở nhà riêng

tại phố Bà Triệu. Bây giờ người điên ấy đã là một cô gái đẹp. Một mối tình huyền thoại. Và ông viết tiếp bài thơ *Người điên - Nàng tiên*:

*"Đông Tây, Thi Họa tương phùng
Cổ kim nghệ thuật tình thương thần kỳ...
Thịt da trăm tỏa hương bay
Như hồi đôi tám thơ ngây má hồng".*

Trong lần gặp gỡ đầu tiên, nhà thơ của tình thương đã nhìn thấy ở "cái xác thối tha ấy" một bông hoa tỏa hương, một mối tình xưa tình khiết. Có lẽ đó là cảm hứng bất nguồn từ nhiều bài thơ của Baudelaire mà ông đã dịch và ngấm vào trong máu thịt:

*Hãy yêu họ, vì dưới những manh quần rách tả
Những tấm áo mong manh vẫn là những tâm hồn.*
(Baudelaire - Vũ Đình Liên dịch).

Cũng như Ông đồ, xung quanh bài thơ này lại có bao lời bình luận và đối thoại. Họa sĩ Bùi Xuân Phái đã minh họa người đàn bà điên trong một bức tranh kỳ dị và Trần Văn Lưu là người đã cất giữ bức tranh này. Vũ Đình Liên đã hoàn thành xong bản thảo tập thơ *Người đàn bà điên ga Lưu Xá*, Bùi Xuân Phái đã vẽ bìa và nhiều tranh minh họa nhưng sau khi Vũ Đình Liên ra đi thì toàn bộ tư liệu về tập bản thảo này đã bị thất lạc.

Một lần, Bùi Xuân Phái vừa hoàn thành bức tranh Ông Đồ được ghép bằng giấy màu tại nhà Trần Văn Lưu. Bức tranh này ông Phái tặng Trần Văn Lưu, Vũ Đình Liên tới chơi, thấy bức tranh Ông Đồ, liền đề thơ ở dưới. Đó là bài *Ngắm tranh* (1974):

Ngắm tranh

*Tranh ngắm lòng càng rộng ý thơ,
Cả hồn quá khứ xót ông đồ.
Ba vắn thơ đã khơi nguồn nhớ,
Mấy mảnh giấy còn chấp cánh mơ.
Thanh sắc chưa phai màu lệ cũ
Ảnh hình thắm đượm mối thương xưa
Hồn người nghiên bút nghìn năm trước
Khối hận đến giờ đã nhẹ chưa ...*

Nhà thơ Vũ Đình Liên có làm một bài thơ về Bùi Xuân Phái. Một lần nhà thơ hỏi Bùi Xuân Phái:
- Anh Phái ơi, lý tưởng sống của anh là gì ?

Bùi Xuân Phái cười, đáp :
- Lý tưởng sống của tôi là làm cho mọi người vui.

Nghe họa sĩ trả lời, nhà thơ lấy làm tâm đắc và làm bài *Gửi Bùi Xuân Phái*:

*Người bảo tranh anh vốn sẵn buồn
Như thơ tôi vẫn cứ thương thương
Anh, tôi đâu phải không vui lắm
Nhân thế vì rằng chữa sống luôn*

*Còn lẽ loài người da bọc thịt
Há như giống sói mỡm phanh sườn
Thiên thân nghệ thuật là duyên nghiệp
Đốt trái tim trầm gửi gió hương.*

Đến năm 1975, lúc đó Vũ Đình Liên đã 63 tuổi, về hưu và ở tạm căn nhà 3 gian thuộc thôn Tiền, cách Trường Đại học Sư phạm Hà Nội khoảng 300m. Ông vẫn cặm cụi làm thơ, dịch thơ tiếng Pháp, đọc sách báo mặc dầu đôi mắt thầy đã mờ, thị lực giảm sút. Mỗi khi có học trò, bạn bè đến thăm, đều thấy ông vui vẻ, thân mật, vồn vã trò chuyện và khoe những vần thơ mới sáng tác ngay trên bàn án thư kê ở góc sân. Ông thường cho mấy học trò xem tập thơ vẫn khá dày dặn được chuẩn bị công phu *Người kỹ nữ cầu Trò* vẫn chưa có dịp ra mắt độc giả. Rồi ông xúc động trình bày quá trình hình thành tập thơ *Đôi mắt* đã được xuất bản năm 1975 cùng với 2 công trình nghiên cứu văn học: *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* (đồng tác giả với nhóm Lê Quý Đôn) và *Nguyễn Đình Chiểu - nhà chí sĩ yêu nước*.

Ông thường thổ lộ với học trò: "*Hạnh phúc lớn nhất cuộc đời nhà thơ, nhà giáo của tôi là được chia sẻ niềm vui và nỗi buồn với tất cả mọi người*". Trong bài thơ *Gửi Bùi Xuân Phái*, Nhà họa sĩ từ cảm hứng mà bài thơ Ông đồ mang lại đã có bức tranh độc đáo về ông đồ, Vũ Đình Liên có hai câu thơ kết thể hiện lý tưởng làm thơ, làm nghệ thuật của mình:

*Thiên thân nghệ thuật là duyên nghiệp
Đốt trái tim trầm gửi gió hương!*

Trong khoảng hơn 1000 bài thơ viết tay của Vũ Đình Liên để lại cho con cháu, có rất nhiều bài thơ biểu lộ tình thương đồng loại một cách huyền thoại đối với những kẻ "*Thân tàn ma dại*" đối với "*Người đàn bà điên*", "*Người kỹ nữ cầu Trò*", đối với những "*Đứa trẻ ăn mày*"...

Đạo lý quên mình vì người khác và gương sáng hiếu học của Vũ Đình Liên đã được truyền lại cho các con, các cháu noi theo. Hai người con trai của Vũ Đình Liên đã nối nghiệp người cha kính yêu. Anh Vũ Đình Quý là giảng viên Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, anh Vũ Đình Dương là giảng viên Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc. Năm cháu nội của ông đã theo gương ông mà học tập thành đạt trở thành cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ, trong đó có cháu Vũ Thị Hiền là giảng viên Ngôn ngữ ở một trường đại học ở Tiệp Khắc, cháu Vũ Hương Giang tốt nghiệp thạc sĩ ở Australia, cháu Vũ Thị Hằng, tiến sĩ khoa học, giảng viên Đại học Quốc gia Australia.

Thơ của Vũ Đình Liên chan chứa tâm hồn vị tha, đạo lý quên mình vì người khác. Nhân dân và bà con nhiều địa phương đã nói về ông: "*Anh là thi sĩ của những người thân tàn ma dại, của những người bất hạnh*".

Hồn vía Ông đồ nhập vào Vũ Đình Liên từ năm 13 tuổi. Nói về sự tiếp nối nề nếp nhà nho, để có những bài thơ hay nhắc đến một thời đã qua, ông từng viết: "Năm 13 tuổi, tôi đã làm thơ hoài cổ. Bài *Hồn xưa* đã được một NXB ở Hải Dương đăng trong tập *Những áng thơ hay* ... Bản thân tôi đã được kế thừa tinh thần của người mẹ, mẹ tôi là con một ông đồ. Tuy ở Hàng Bạc, làm nghề thợ bạc, nhưng gia đình luôn giữ nề nếp gia phong. Ngày nhỏ, tôi sống ở Hải Dương. Bởi vậy, nên cảnh sắc quê hương in đậm trong tâm trí, có tác động nhiều đến tâm tư tình cảm ..."

.... Nhận xét về Vũ Đình Liên, cố giáo sư Đỗ Đức Hiểu, một người bạn cùng “Nhóm Lê Quý Đôn”, rất quý rất hiểu ông, đã viết :

“Vũ Đình Liên là một trong những nhà Thơ Mới, thuộc lớp đầu, tôi tạm gọi là “Làn sóng thứ nhất”. Làn sóng thứ nhất Thơ Mới bao gồm những bài thơ lỗi lạc chịu ảnh hưởng chủ yếu của thơ lãng mạn Pháp nửa đầu thế kỷ 19 như Lamartine (7), Musset (8), Vigny (9), nhất là Victor Hugo (10)...”

“Vũ Đình Liên là một trường hợp đặc biệt, ông làm thơ suốt trên 60 năm nay ... Chỉ xét về một phương diện - sự tương hợp giữa Thơ Mới và Thơ Pháp, ông chịu nhiều ảnh hưởng của thơ lãng mạn Pháp ...

Ông tiếp nhận tình thương ... ở thơ lãng mạn Pháp. Đúng vậy, ngoài việc xót xa, thương cảm một lớp người đã bị thời thế bỏ quên - ông đồ, ông còn thương : “Những trẻ thơ cô cút ... Suốt đêm khuya đợi mẹ mãi không về”. Ông khế bảo mọi người hãy “nương nhẹ” những bông hoa úa “bị ném vào trong xô”; ông không muốn một ngày kia “Thiên hạ có nhiều bông hơn tuyết trời để ủ lòng muôn trẻ nhỏ cho môi hồng thắm tươi”.

Viết *Lời tựa* cho tập *Thơ Baudelaire* do Vũ Đình Liên dịch, giáo sư Đỗ Đức Hiểu viết :

“Vẫn với đề tài tình thương, thơ Vũ Đình Liên sau 1945 gợi nhớ Baudelaire. Trong cặp sách ông thường mang hàng ngày , có toàn tập Baudelaire, bản thảo ông dịch *Hoa ác*, ông làm một bài thơ tiếng Pháp *Đề ảnh Baudelaire* (ông đã dịch ra tiếng Việt). Bùi Xuân Phái vẽ một biếm họa Baudelaire và Vũ Đình Liên cầm tay nhau. Một nhà văn Pháp đến Hà Nội, biết chuyện Vũ Đình Liên say mê Baudelaire, gọi đùa ông là Baudelien (Bô đơ Liên) ...”.

Trong dịp Khai bút đầu xuân Nhâm Tuất 1982, Vũ Đình Liên có viết bài *Bóng Ông Đồ*, như là muốn họa lại bài thơ cũ *Ông Đồ*:

Bóng ông đồ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bút nghiên và giấy đỏ
Ngồi đung chỗ ngồi xưa

Ôi ! Cái nghiệp nghiên bút
Tô điểm cho cuộc đời
Người chết nghiệp không chết
Nợ tiền kiếp luân hồi

Trải trăm ngàn dâu bể
Giấy mực màu không thay
Chữ Nhân và chữ Nghĩa
Vẫn những nét thẳng ngay

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Khăn áo bạc màu dưa
Nhắc cho người qua thấy
Lẽ Nhân đạo, Thiên cơ

Cách Mạng là nhân nghĩa
Ông Đồ là thi thư
Chữ tuôn dòng Thiện Mỹ
Từ ngón tay ông Đồ.

Bài *Bóng Ông Đồ* còn được Vũ Đình Liên gọi là *Ông Đồ 2*, để cùng với *Ông Đồ 1* là bài Ông Đồ năm 1936 làm thành đôi câu đối! ... Tuy nhiên, như chúng ta đã thấy, bài *Bóng Ông Đồ*, tức *Ông Đồ 2* không thể đứng song song với *Ông Đồ* năm 1936 được! Điều này dễ hiểu bởi *Ông Đồ* đã là kiệt tác, đã là “Độc nhất vô nhị” thì rõ ràng là không thể có *Ông Đồ 2* ngang tầm! Riêng chuyện này thì Vũ Đình Liên dù có thông kim bác cổ cỡ nào cũng không thể nào hiểu nổi! Bởi như Viên Mai (11) đã nói : *Oanh già không nên hót, người già không nên làm thơ!* (12) Câu nói này cốt để nói với những con chim Oanh trẻ, còn Oanh già thì đâu có chịu nghe bao giờ!...

Sài Gòn, tháng 9-2010

Chú thích:

(1)Nhóm Lê Quý Đôn: “Nhóm Lê Quý Đôn” gồm Vũ Đình Liên, Đỗ Đức Hiểu (1*), Lê Thuớc (1**), Trương Chính (?), Lê Trí Viễn (1***), cùng nhau viết lịch sử văn học Việt Nam và dịch các tác phẩm văn học Pháp. Bộ *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam* dày hơn 1.000 trang, gồm 3 tập (1958).

(1*) Đỗ Đức Hiểu: Xin xem: [Đỗ Ngọc Thạch: GS Đỗ Đức Hiểu và tác phẩm Đối mới phê bình văn học](#).(trieuxuan.info). Giáo sư Đỗ Đức Hiểu có bài Phê bình về thơ Vũ Đình Liên rất đặc sắc: *Vũ Đình Liên - nhà thơ tình thương*. Tạp chí *Văn học*, số 4-1993.

(1**) Lê Thuớc (1891-1976): Hiệu là Tĩnh Lạc, sinh ra trong một gia đình khoa bảng ở xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 27 tuổi ông đậu Giải nguyên Hán học trường Nghệ nhưng không ra làm quan mà xin học thêm, đến năm 30 tuổi (1921) ông tốt nghiệp thủ khoa trường Cao Đẳng sư phạm Hà Nội, Ban Văn học. Được nhìn nhận là một bậc trí giả uyên bác cổ kim đông tây, một trí thức cỡ lớn đầu thế kỷ 20.

(1***) Lê Trí Viễn: sinh năm 1919, quê Điện Bàn, Quảng Nam. Nhà giáo dục, nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học Việt Nam.(...). Nhà nghèo, chỉ được học hết cao đẳng tiểu học. Bắt đầu gắn bó với sự nghiệp giáo dục từ 1939, dạy trường tiểu học Bảo An (Điện Bàn, Quảng Nam). Tự học và đỗ tú tài Triết học (1945). Suốt đời ông là một quá trình công phu tự học cần mẫn, nghiêm túc. Ông lần lượt giảng dạy trung học thời kháng chiến chống Pháp (ở Huế, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi), đại học (từ 1958) và trên đại học (từ 1973). Ông làm chủ nhiệm khoa Ngữ văn trường ĐH Sư phạm Hà Nội trong 15 năm (1963 - 1978), sau đó chuyển vào giảng dạy tại ĐHSP TP.HCM, được Nhà nước phong chức danh Giáo sư (1980) và danh hiệu cao quý Nhà giáo nhân dân (1990) . (Từ điển Văn học bộ mới, trang 838 - 839, NXB Thế giới, 2004)

(2) Charles Pierre Baudelaire (1821 -1867) là một trong những nhà thơ có ảnh hưởng lớn nhất ở Pháp trong thế kỷ 19. Ông đã viết nhiều bài tiểu luận phê bình nghệ thuật, dịch thơ Edgar Allan Poe (2*), xuất bản tập thơ *Les Fleurs du Mal* (đã xuất bản ở Việt Nam dưới tên *Những bông hoa ác*). Sau cái chết của ông, một số tác phẩm như *Journaux intimes* (Nhật ký riêng tư) và *Petits poème en prose* (Những bài thơ nhỏ viết theo thể văn xuôi) mới được xuất bản.

(2*) Edgar Allan Poe (1809-1849) là nhà văn, nhà viết kịch, nhà phê bình, nhà thơ Mỹ. Poe là ông tổ của thể loại truyện trinh thám và hình sự, ông có sự ảnh hưởng đến Charles Pierr Baudelaire, Fyodor Mikhailovich Dostoevsky (2*1), Sir Arthur Conan Doyle (2*2)...

(2*1) Fyodor Mikhailovich Dostoevsky (1821-1881): Cùng với Lev Tolstoy (2*1*), Dostoevsky được xem là một trong hai nhà văn Nga vĩ đại thế kỷ 19. Các tác phẩm của ông, như Anh em nhà Karamazov hay Tội ác và hình phạt đã khai thác tâm lí con người trong bối cảnh chính trị, xã hội và tinh thần của xã hội Nga thế kỷ 19. Ông được giới phê bình đánh giá rất cao, phần lớn xem ông là người sáng lập hay là người báo trước cho chủ nghĩa hiện sinh thế kỷ 20. Tuy nhiên ở Liên Xô, sau Cách mạng tháng Mười năm 1917, người ta hầu như phủ nhận toàn bộ các sáng tác của Dostoevsky. Từ 1972, tác phẩm của Dostoevsky mới được nhìn nhận lại và đánh giá đúng mức ở quê hương của mình.

(2*1*) Bá tước Lev Nikolayevich Tolstoy (1828 -1910) là một tiểu thuyết gia người Nga. Tolstoy được yêu mến ở khắp mọi nơi như một tiểu thuyết gia vĩ đại nhất trong tất cả các nhà viết tiểu thuyết, đặc biệt nổi tiếng với kiệt tác *Chiến tranh và hòa bình* và *Anna Karenina*: miêu tả sự phóng khoáng và hiện thực của cuộc sống Nga, hai tác phẩm là đỉnh cao của tiểu thuyết hiện thực.

(2*2) Sir Arthur Conan Doyle (1859 -1930) là một nhà văn người Scotland nổi tiếng với tiểu thuyết trinh thám *Sherlock Holmes*, tác phẩm được cho là một sáng kiến lớn trong lĩnh vực tiểu thuyết trinh thám. Các tác phẩm của ông bao gồm nhiều truyện khoa học giả tưởng, tiểu thuyết lịch sử, kịch lịch sử, tiểu thuyết, thơ và bút ký.

(3), (4): Lời Vũ Đình Liên trong một bức thư gửi cho Hoài Thanh đề ngày 9-1-1941. Chú thích của Hoài Thanh trong *Thi Nhân Việt Nam*.

(7) Alphonse Marie Louis de Prat de Lamartine (1790-1869) là một nhà thơ, nhà văn theo trường phái lãng mạn nổi tiếng của nước Pháp. Ông còn là sử gia, một chính trị gia với chức Bộ trưởng bộ ngoại giao trong chính phủ Pháp.

Tên tuổi của Lamartine gắn liền với tập thơ "Méditations" (Trầm tư), tập 1 ra đời năm 1820, tập 2 ra đời năm 1823 (còn gọi là tập "Nouvelles Méditations"(Trầm tư mới), đều được coi là những tác phẩm giá trị nhất của ông. Song những sáng tác đáng chú ý còn phải kể đến tập thơ "Harmonies poétiques et religieuses" (Hoà âm thi tứ và đạo lý, 1829), "Recueils" (Mặc tưởng, 1839), tiểu thuyết "Jocelyn" (1836) và "Graziella" (1952).

(8) Alfred de Musset (1810-1857) là nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng của nước Pháp thế kỷ XIX. Ông là người có số phận vinh quang và cay đắng. Đa tài và thành danh từ khi còn rất trẻ, song khi mất, chỉ lèo tèo người đưa tiễn.

Tuy cuộc tình giữa Alfred de Musset và George Sand (8*) không được thi vị như nhiều người trông đợi, song không thể phủ nhận một thực tế, chính nhờ mối tình này mà Musset đã viết nên những bài thơ tình tuyệt diệu (như chùm bài "Đêm tháng năm", "Đêm tháng chạp", "Đêm tháng tám", "Đêm tháng mười"...) đưa Musset lên hàng những thi sĩ được thanh niên Pháp ưa thích nhất cho tận tới hôm nay.

(8*) George Sand (1804-1876): là một nữ tiểu thuyết gia người Pháp. Bà sinh tại Paris với cái tên Amantine Aurore Lucile Dupin. Cha của bà, Maurice Dupin là một người dòng dõi quý tộc, còn mẹ của Sand, Sophie-Victoire Delaborde xuất thân từ tầng lớp bình dân. Cha mất sớm, George Sand sống với bà, rồi sau đó vào tu viện. Năm 1821, vào tuổi 17, bà kết hôn với Nam tước Casimir Dudevant. Cuộc hôn nhân này tan vỡ và George Sand có nhiều mối tình khác, trong đó không ít với những nhân vật nổi tiếng.

Bút danh George Sand, một cái tên nam giới, được bà sử dụng lần đầu tiên vào năm 1829 trên tạp chí *Le Figaro*. Bà viết tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, phê bình văn học và một tự truyện, trong đó có những tác phẩm nổi tiếng như *La Mare au diable* (*Cái đầm ma*), *La Petite Fadette* (*Cô bé Fadette*), v.v...George Sand mất tại Nohant. Tưởng nhớ Sand, Victor Hugo viết: *Tôi khóc một người đã khuất, tôi chào một người bất tử*.

(9) Alfred Victor de Vigny (1797-1863): Nhà thơ Pháp.

(10) Victor Hugo (1802-1885) là một nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch nổi tiếng của Pháp. Các tác phẩm của ông rất đa dạng như: tiểu thuyết, thơ, kịch, các bài diễn văn chính trị,... Tiêu biểu cho các tác phẩm của ông là hai tác phẩm mang đậm tính nhân bản: *Những người khốn khổ* (*Les Misérables*) và *Nhà thờ Đức bà Paris* (*Notre-Dame de Paris*).

(11) Viên Mai (1716-1797): thi nhân và tản văn gia đời Thanh, tự Tử Tài, hiệu Giản Tề, biệt hiệu Tuỳ Viên lão nhân, người đất Tiền Đường, Triết Giang (Hàng Châu).

Viên Mai là tập đại thành của nền phê bình lý luận thơ ca cổ điển Trung Quốc, tác phẩm *Tuỳ Viên thi thoại* của ông được đánh giá là đỉnh cao của nền thi thoại Trung Quốc. Viên Mai bàn về thơ, lấy “tính linh” làm gốc, theo ông, tính linh là cái phong thú tự nhiên mà nhà thơ bỗng cảm nhận được, không cần cảnh giới lớn hay nhỏ, cách điệu cao hay thấp, chỉ cần có tính linh thì là thơ hay. Thuyết “tính linh” của Viên Mai, ảnh hưởng đến đời sau là rất lớn, lan cả đến Việt Nam, như là một sự khai mở, phát triển lý luận của loại hình văn học nhà nho tài tử ở Việt Nam. Vấn đề cốt lõi trong lý luận của thuyết tính linh xuất phát từ những điều kiện chủ quan trong sáng tác thi ca, nó nhấn mạnh ba yếu tố ba phương diện của chủ thể sáng tạo cần phải có là: chân tình (tình cảm chân thật), cá tính và thi tài (tài làm thơ).

(12) Chim Oanh: Có câu chuyện nhà Phật về chim Oanh như sau:

Ngày xưa có một ông vua tính tình nóng nảy, lấy sự săn bắn, chém giết làm thích thú. Một hôm nhà vua vào rừng săn bắn, thấy một con chồn lanh lẹ né tránh mũi tên của nhà vua, chạy trốn vào bụi rậm, vua sai lính tìm kiếm nhưng không tìm thấy.

Nhà vua quá tức giận ra lệnh đốt rừng làm cho thú vật và cây cối bị cháy. Lúc bấy giờ nhà vua nhìn đám cháy nghe tiếng thú vật rên la mà thích thú. Bỗng trên đám lửa có một con chim Oanh Vũ màu trắng đang hăng hái chữa cháy. Chim bay xuống sông gần đấy nhúng ướt thân rồi bay lại đám lửa rũ nước xuống đám cháy mong dập tắt lửa để cứu các con vật bị nạn.

Thấy vậy, mọi người theo dõi việc làm của chim Oanh Vũ. Nhà vua bỗng động lòng trắc ẩn, cảm thấy xấu hổ liền ra lệnh dập tắt lửa và từ đó cấm không cho ai được vào rừng săn bắn nữa. Chim Oanh Vũ là một trong những kiếp trước của Đức Phật Thích Ca.

Vũ Đình Liên, lòng hoài cổ âm thầm Hoài Thanh

Sinh ngày 15 tháng 10 năm Quý Sửu (1913) ở Hà Nội

Học: Trường Bảo hộ, trường Luật.

Dạy tư, quản lý Tinh hoa, chủ trương Revue pédagogique.

Hiện làm tham tá Thương chính Hà nội.

Đã đăng thơ: Phong hóa, Lao, Phụ nữ thời đàm, Tinh hoa.

Có những nhà thơ không bao giờ có thể làm được một câu thơ - tôi muốn nói một câu đáng gọi

là thơ. Những người ấy hẳn là những người đáng thương nhất trong thiên hạ. Sao người ta thương hại những kẻ bị tình phụ nuôi một giấc mộng ái ân không thành, mà không ai thương lấy những kẻ mang một mối tình thơ u uất chịu để tan tành giấc mộng quý nhất và lớn nhất ở đời; giấc mộng thơ?

Hôm nay trong khi viết quyển sách này, một quyển sách họ sẽ xem như một sự mỉa mai đau đớn, thơ Vũ Đình Liên bỗng nhắc tôi nghĩ đến những con người xấu số kia.

Tôi có cần phải nói ngay rằng Vũ Đình Liên không phải một người xấu số? Trong làng thơ mới, Vũ Đình Liên là một người cũ. Từ khi phong trào thơ mới ra đời, ta thấy có thơ Vũ Đình Liên trên các báo. Người cũng ca tình yêu như hầu hết mọi nhà thơ hồi bấy giờ. Nhưng hai nguồn thi cảm chính của người là lòng thương người và tình hoài cổ. Người thương những kẻ thân tàn ma dại, người nhớ những cảnh cũ người xưa. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và đã để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: Ông đồ. Ông đồ năm năm đến mùa hoa đào, lại ngồi viết thuê bên đường phố. "Ông chính là cái di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn". Ít khi có một bài thơ bình dị mà cảm động như vậy. Tôi tưởng như đọc lười sấm hối của cả một bọn thanh niên chúng ta đối với lớp người đương đi về cõi chết. Đã lâu lắm chúng ta chỉ xúm nhau lại chế giễu họ quê mùa, mặt sát họ hủ lậu... Cái canhht hươg tâm của nền học Nho lúc mặt vận chúng ta vô tình như không lưu ý. Trong bọn họ, chúng ta vẫn có một hai người ca tụng đạo Nho và các nhà nho. Nhưng chế giễu mặt sát không nên, mà ca tụng cũng không được. Phần đông các nhà nho còn sót lại chỉ đáng thương. Không nghiên cứu, không lý luận, Vũ Đình Liên với một tấm lòng dễ cảm nhận ra sự thực ấy và gián tiếp chỉ cho ta cái thái độ hợp lý hơn cả đối với các bậc phụ huynh của ta. Bài thơ của người có thể xem là một nghĩa cử.

Theo đuổi nghề văn mà làm được một bài thơ như thế cũng đủ. Nghĩa là đủ đểer lưu danh, đủ với người đời. Còn riêng đối với thi nhân thực chưa đủ. Tôi thấy Vũ Đình Liên còn bao nhiêu điều muốn nói, cần nói mà nghẹn ngào không nói được. "Tôi bao giờ - Lời Vũ Đình Liên - cũng có cái cảm tưởng là không đạt ý thơ của mình. Cũng vì không tin thơ tôi có một chút giá trị nên đã lâu tôi không làm thơ nữa". Vũ Đình Liên đã hạ mình quá đáng, chúng ta đều thấy. Nhưng chúng ta cũng thấy trong lời nói của người một nỗi đau lòng kín đáo. Người đau lòng thấy ý thơ không thoát được lời thơ như linh hồn bị giam giữ trong nhà tù xác thịt. Có phải vì thế mà hồi 1937, trước khi từ giã thi đàn, người đã gửi lại đôi vần thơ u uất:

*Nặng mang mãi khối hình hài ô nhục.
Tâm hồn ta đã nhọc tụy lâu rồi!
Bao nhiêu xanh thăm thẳm trên bầu trời;
Bao bóng tối trong lòng ta vẫn đục!*

Nghĩ cũng tức! Từ hồi 1935 tả cảnh thu, Vũ Đình Liên viết:

*Làn gió heo may xa hiu hắt,
Lặng lừng chẳng biết tiễn đưa ai!*

Hai câu thơ cũng sạch sẽ, dễ thương. Nhưng làm sao người ta còn nhớ được Vũ Đình Liên khi người ta đã đọc, bốn năm sau mấy câu thơ Huy Cận cùng một tứ:

*Ôi! nắng vàng sao nhớ nhung!
Có ai đàn lẻ tơ chùng?
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Xui bước chân đây cũng ngại ngừng...*

Cũng may những câu thơ hoài cổ của Huy Cận:

*Bờ tre rung động trống trâu,
Tường chùng còn vọng trên lầu ải quan
Đêm mơ lay ánh trắng tàn,
Hồn xưa gửi tiếng thời gian, trống dồn.*

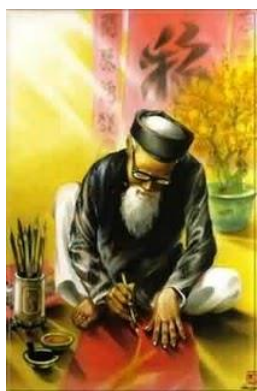
Những câu thơ tình nhẹ nhàng, tứ xa vắng chưa đến nỗi làm ta quên cái lòng hoài cổ âm thầm, u tịch của Vũ Đình Liên:

*Lòng ta là những hàng thành quách cũ,
Tự ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa.*

Tháng 9 - 1941

Phụ đính I:

Vĩnh biệt tác giả ông đồ Vương Trí Nhàn



Dù nhiều hay ít, mỗi nhà văn nhà thơ thường có một hai tác phẩm thuộc loại đỉnh cao trong sự nghiệp sáng tác, ấy là một lẽ thường tình.

Thơ ca là để chống lại sự quên lãng

Nhưng trong văn chương xưa nay lại có một loại tác giả hoặc viết quá ít, hoặc nhiều cái đều đều, gần như không có gì nổi, song lại có một tác phẩm duy nhất vượt hẳn lên về giá trị và được truyền tụng rộng rãi, khiến cho nói tới tên tuổi người đó là người ta nhớ ngay tới cái thành tựu “cây có một cành, cành có một quả” độc đáo nọ. Cái mẫu hình Thôi Hiệu với bài Hoàng Hạc lâu trong thơ Đường còn thấy lặp lại nhiều lần trong văn học Việt Nam hiện đại. Đó là Trần Mai Ninh với Tình sông núi, Hoàng Lộc với Viếng bạn, và trước đó, Nguyễn Vỹ với Gửi Trương Tửu... Đó cũng là trường hợp của Vũ Đình Liên, nhà giáo lão thành, một vùng trán lớn của

giới giáo dục Việt Nam - Vũ Đình Liên từng có mặt trong Thi nhân Việt Nam 1932-1941 của Hoài Thanh- Hoài Chân với tư cách là tác giả bài Ông đồ và thường trở đi trở lại trong nhiều tuyển thơ thế kỷ, với chính bài Ông đồ đó.

Ông đồ có gì lạ, mà có sức sống dai dẳng như vậy? Ra đời hơn sáu chục năm trước, bài thơ ghi lại một nét tâm trạng của con người Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Trong khi xã hội từng bừng và ồ ạt làm cuộc Âu hoá toàn diện, người ta cảm thấy một nền văn minh đang qua đi, và lòng người ta xót xa, luyến tiếc. Những vẻ đẹp sắp tàn lụi là những vẻ đẹp không chói lọi. Nó gợi tình thương. Bởi nó mong manh dễ vỡ. Ấy thế nhưng nó lại có sự bền chắc riêng. Vẻ mộc mạc trong bút pháp, cái kín đáo trong tình cảm mang lại cho Ông đồ một thứ dư ba kỳ lạ. Ý ở ngoài lời. Và càng đọc, người ta càng thấy mình không chỉ thương cảm với một lớp ông đồ hay chữ nay quá thời lạc lõng, mà còn cảm thấy bồi ngùi trước tất cả những gì tốt đẹp, bị thời gian đẩy vào quên lãng. Và hình như thơ nảy sinh ở chỗ đó, thơ nảy sinh để chống lại quên lãng! Sinh năm 1913, có thơ đăng từ những năm 1930, nhà thơ Vũ Đình Liên qua đời tại Hà Nội ngày 18-1-1996. Giữa khung cảnh đại hàn mưa phùn giá rét, nhiều người đi xe tang tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng, trong đầu óc không khỏi thoáng qua cái hình ảnh những ông đồ trải chiếu viết câu đối thuê trên vỉa hè mấy phố Lãn Ông, Hàng Bồ hồi nào. Chắc chắn là vào

những ngày này, khó lòng bói ra một ông đồ như vậy trên các phố cổ Hà Nội. Nhưng chính bởi thế người ta tìm ra một chút ấm lòng trước những gì Vũ Đình Liên để lại. Chỉ bằng một bài thơ nhỏ 25 câu, 100 chữ, ông đã ghi lại được một hình ảnh đã qua đi cùng lịch sử, để nó có thể vĩnh viễn tồn tại trong tâm tưởng nhiều thế hệ bạn đọc. Và đó chính là sức mạnh kỳ lạ đến ma quái của thơ ca, của văn chương.



Nguyễn Huy Tường, Vũ Đình Liên : đồng nghiệp và đồng liêu Nguyễn Huy Thắng

Cha tôi - nhà văn Nguyễn Huy Tường - và nhà thơ Vũ Đình Liên là đồng nghiệp thì đã rõ. Hai ông cùng làm công việc sáng tạo văn chương. Chưa kể hai ông còn có chung một sở thích: Nhà thơ Vũ Đình Liên đặc biệt yêu thích thi sĩ Pháp Bô-đơ-le (Baudelaire); ông đã dành hầu như toàn bộ thời gian cuối đời dịch tập thơ Những bông hoa Ác của tác giả này. Niềm đam mê Bô-đơ-le của họ Vũ lớn đến độ ông được bạn bè gọi yêu là Bô-đơ-liên - điều này thì nhiều người đã biết.

Cha tôi cũng rất ngưỡng mộ Bô-đơ-le, không những thế, ông có lúc còn lấy thi sĩ tượng trưng này làm chuẩn đích cho mình: “Phải theo Baudelaire. Văn chương cần phải lãnh đạm như cẩm thạch” (nhật ký 15/1/1942) - điều này thì có thể nhiều người chưa biết.

Còn nói hai ông là đồng liêu thì là thế này. Năm 1940, khi ông Liên vào làm công chức ở Nha Thương chính, còn gọi là sở Đoan, Hà Nội, thì cha tôi đang làm ở phòng Tố tụng, cũng thuộc sở Đoan nhưng ở Hải Phòng.

Là một chân thư ký kiêm thông ngôn, ông chẳng lấy gì làm thích thú, lại thêm nỗi phải xa người vợ mới cưới ở Hà Nội, hẳn là ông ngao ngán lắm. Nhưng đến cuối năm 1943 thì cha tôi được chuyển về Hà Nội, cùng một sở với nhà thơ Vũ Đình Liên.

Gọi là cùng sở nhưng có lẽ hai ông ít có dịp gặp gỡ, nói chuyện với nhau, như nhà thơ sau này sẽ nhớ lại cái thuở mà ông gọi là “mặt gần mà cách tiếng”. Sở Đoan bấy giờ đóng ở một tòa nhà lớn bên sông Hồng, nay được dùng làm Bảo tàng Cách mạng.

Nhà thơ Vũ Đình Liên làm gì tôi không rõ, nhưng như trong nhật ký cha tôi có nói, ông là một cử nhân luật, nghĩa là có bằng cấp rất cao, chắc phải là người có vai vế trong sở. Còn cha tôi vẫn chỉ là một ông phán, cách thời ấy người ta gọi các nhân viên thư ký cho oai. Hai ông tuy là cảnh viên chức “sáng vác ô đi tối vác về”, nhưng xem ra mỗi người còn theo đuổi một sự nghiệp, một lý tưởng riêng.

Nhà thơ Vũ Đình Liên ngay từ năm 1936 đã có bài thơ *Ông đồ* nổi tiếng, một dấu son của phong trào Thơ mới. Mặc dù viết ít, lại chưa in thành sách, nhưng các bài thơ đăng báo rải rác của tác giả *Ông đồ* đã lọt vào mắt xanh của nhà phê bình văn học Hoài Thanh trong Thi nhân Việt Nam, như một chứng chỉ sáng giá về một giọng thơ đặc sắc được tạo bởi hai nguồn cảm hứng chính là lòng thương người và tình hoài cổ.

Còn cha tôi, từ cuối những năm 39-40, bên cạnh sự nghiệp văn chương mà ông theo đuổi, bắt đầu tìm đến các hoạt động xã hội và cách mạng. Thông qua các hoạt động Truyền bá quốc ngữ và nhất là thông qua các tác phẩm đầu tay sớm bộc lộ tư tưởng yêu nước, chống ngoại xâm, ông đã được đoàn thể chú ý và tìm cách bắt mối.

Cuối năm 1943, cha tôi gia nhập nhóm Văn hóa cứu quốc bí mật. Mặc dù vẫn thiên về cuộc sống nội tâm, ông mở rộng quan hệ với nhiều người, trong đó có những người vừa là chỗ bạn bè, vừa là đồng chí, như các ông Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Hồng, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nam Cao, Trần Huyền Trân, Như Phong...

Ở sở Đoan, cha tôi chỉ thân với ông Lưu Văn Lợi, người cùng làm một phòng Tổ tụng với ông và còn có nhiều cái cùng khác nữa, như cùng tham gia Văn hóa cứu quốc thời kỳ đầu (sau này, ông Lợi làm Trưởng ban Biên giới của Chính phủ). Còn với nhà thơ Vũ Đình Liên thì không thấy ông nói gì trong nhật ký, về công việc ở sở cũng như hoạt động văn chương. Nhưng một sự kiện đã khiến hai ông có việc với nhau. Đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp. Là người của đoàn thể, cha tôi đã được “trên” phổ biến khả năng này từ trước. Ngay từ chiều 9, ông bỏ sở đi “bát phố”, kỳ thực là đi tìm gặp Trần Ngọc Ban, tức đồng chí Trần Ngọc Hương (hay Mười Hương), người được trên giao phụ trách Văn hóa cứu quốc cùng với đồng chí Khuất Duy Tiến. Không gặp. Lại đến nhà Lưu Văn Lợi tìm. Cũng không gặp.

Nhưng đến tối, trước khi quân Nhật khởi sự thì cha tôi đã có mặt ở nhà ông Nguyễn Hữu Đang - một căn gác ở phố Hàng Quạt. Lúc Nhật nổ súng, bắn thần công vào thành, ông cùng các ông Nguyễn Hữu Đang, Như Phong yên tâm nằm trong nhà, thăm phục phán đoán của Đoàn thể, thế nào Nhật - Pháp cũng có phen tự diệt.

Chiến sự diễn ra đến chiều hôm sau thì ngưng, với thắng lợi của quân Nhật. Luôn mấy ngày ấy là những ngày vô cùng rối ren của Hà Nội. Cha tôi chỉ thỉnh thoảng mới đáo qua sở, thu sách vở, giấy tờ quan trọng rồi lại đi.

Qua các đồng chí, ông đã được xác định thái độ là chờ, thế nào Nhật cũng lập chính phủ bù nhìn của người Nam, nhưng rồi sẽ sử dụng người Pháp trở lại để tiện việc cai trị, điều hành bộ máy. Trong lúc chờ thời thì tranh thủ tuyên truyền quần chúng, đặc biệt là giới công chức, viên chức về Việt Minh...

Dựa hơi Nhật, đảng Đại Việt ló ra, ráo riết hoạt động. Không ít người ngây thơ, trong đó có cả

công chức, sinh viên đã tin vào sự tuyên truyền của họ, rằng Nhật sẽ trao nền độc lập cho Việt Nam. Một phong trào được đẩy lên trong các công sở, khích động các viên chức bài trừ người Pháp. Chiều ngày 13/3, như nhật ký của cha tôi ghi lại, ở sở Thương chính có cuộc hội họp các công chức do ông cử nhân luật Vũ Đình Liên hiệu triệu. Cuộc họp không có chương trình nghị sự nên mạnh ai nấy nói. Trong những tiếng nhao nhao ấy, nổi lên mấy ý kiến đòi trút quyền chỉ huy của người Pháp và dùng tiếng Việt trong các công văn... Cha tôi muốn nhân cơ hội nói rõ tình thế cho anh em đồng sự mà không được. Thế rồi ông bị giao thảo bài hiệu triệu các công chức để lập một Đại hội nghị công chức Việt Nam...

Đến đây bắt đầu những bất đồng giữa cha tôi và ông Vũ Đình Liên. Ngày hôm sau, cha tôi làm biên bản về buổi hội họp đó. Nhưng ông đã không đưa vào văn bản những ý kiến yêu cầu bỏ người Pháp, v.v... và nói rõ điều này thực tế là không được, vì thế nào người Pháp cũng được Nhật cho về làm; nhưng khi cách mạng đã hoàn thành, thì việc tẩy trừ người Pháp là cố nhiên.

Ông Liên xem ra không bằng lòng, nhiều người quá phẫn khích lại càng phản đối. Nhưng đúng lúc đó, viên Phó giám đốc Nha thương chính người Tây (họ vẫn còn đó chứ đâu!) gọi ông vào đe nẹt. Y trách ông Liên có ý khinh miệt Tây và đe một khi Tây trở lại thì hãy biết chừng! Bấy giờ nhà thơ mới khen cha tôi là “kiến cơ”, không ghi những yêu cầu bài Pháp vào biên bản.

Ngày 18/3, Đại hội nghị công chức đã diễn ra tại khu Việt Nam học xá. Cha tôi không tham gia, vì “trên” đã có lệnh cho anh em văn hóa bất hợp tác. Có lẽ cái duy nhất hội nghị này đạt được, là một lời hứa suông của viên Tổng tư lệnh Nhật, là sẽ đuổi người Pháp, và người Nam thì được dịp nói cho sướng miệng. Điều này đã trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu đối với không ít người những ngày này.

Sáng hôm ấy, như nhật ký của cha tôi ghi lại, ông có gặp nhà học giả Trần Văn Giáp trên tàu điện, ông này cũng nói: “Bị áp chế bao nhiêu năm, nay được thế này, cứ nói cho sướng miệng, rồi chết thì cùng chết!”.

Sau cuộc Đại hội nghị, ông Vũ Đình Liên có thông báo lại kết quả cho mọi người, ông tỏ ra rất phấn khởi và giới công chức thấy đều hoan hỉ, thán phục. Niềm hi vọng rằng người Việt sẽ làm chủ, người Pháp sẽ bị đuổi còn kéo dài thêm được ít ngày nữa. Trong những ngày ấy, ông Liên luôn kiên trì vận động anh em quyết tâm bày tỏ thái độ về việc này.

Cho đến chiều ngày 22/3, vào lúc 4 giờ, đích thân Tổng lãnh sự Nhật có cuộc hội kiến với các viên chức người Nam. Mọi người chuẩn bị đón viên Tổng lãnh sự rất kỹ, thủ sẵn những lời hô lúc y đến, những mong tranh thủ thiện cảm của y. Đúng 4 giờ chiều, viên Tổng lãnh sự đến. Không buồn đón nhận những lời hô rì rạc của hai hàng viên chức người Nam đứng đón, y lên thẳng trên gác hội kiến với bọn Pháp.

Quyết định được đưa ra chóng vánh: “Người Nam vẫn phải làm với người Pháp như xưa. Người Pháp cũng là người làm công của Nhật. Còn những nguyện vọng của viên chức người Nam thì sẽ để lên quan trên vì ông ta [Tổng lãnh sự] không có quyền định đoạt vì sở này to”. Tuyên bố xong, y về thẳng, không buồn hỏi người Nam lấy một câu, kể cả ông Vũ Đình Liên, Chủ tịch Ủy ban Thương chính. Ông Liên chỉ còn biết vót vát với anh em, rằng hôm nay ta thất bại, nhưng thế nào ta cũng thắng (theo nhật ký cha tôi, ngày 22/3/1945)...

Tháng 6/ 1976. Một năm hơn sau ngày miền Nam được giải phóng, giang sơn thu về một mối. Đất nước đã hoàn toàn độc lập, không phải do người Nhật, người Pháp, người Mỹ nào trao cho, mà do chính người Nam mình giành lấy.

Với một người như nhà thơ Vũ Đình Liên, biết bao sự kiện ông đã trải: Cách mạng tháng Tám 1945, Toàn quốc kháng chiến 1946, những năm tham gia kháng Pháp ở khu III, hòa bình lập lại về giảng dạy ở Trường sư phạm, rồi lại tiếp đến những năm cả nước đánh Mỹ để đi đến ngày hôm nay... Nhà thơ lúc này đang ở làng Nhân Mục (tức làng Mọc), ông bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm xưa. Người đồng nghiệp, đồng liêu Nguyễn Huy Tưởng chẳng có may mắn được sống thọ như ông.

Ông Tưởng đã đi xa từ mùa hè năm 1960, để lại bao nỗi tiếc thương cho bạn bè, đồng nghiệp. Nhớ lại những bông bột, ấu trĩ ngày nào, rồi những ngày lên Việt Bắc gặp ông Tưởng ở Tuyên Quang năm 1948, tuy chỉ thoáng qua thôi mà sao nhớ thế...

Tình cờ, ông lại đang giữ một cuốn sách có bài của ông Tưởng. Bài ấy ông đã đọc rồi nhưng nay đọc lại, ông như thấy ông Tưởng hiện về rõ mồn một. Người ta vẫn nói, văn là người, thật chả sai. Tức cảnh, ông lấy giấy ghi nhanh những tứ thơ vừa chợt đến với ông:

Đọc lại một bài văn của Nguyễn Huy Tưởng

Tình cờ được đọc lại văn anh

Tính nét hình dung hiện rõ rành

Nhớ thừa mặt gần mà cách tiếng

Tiếc nay chung dạ, lại xa hình

Tuyên Quang thoáng bóng, khôn cầm dáng

Nhân Mục bình văn lại thắm tình

Đôi mắt Nam Cao, anh nhắc lại

Thêm thương thêm nhớ lúc tàn canh

Bài thơ làm xong rồi, ông lại ngồi lặng, chưa định sẽ làm gì tiếp theo. Đương nhiên, đây là một bài thơ nhớ bạn ông viết riêng cho mình, không có ý định công bố. Dầu sao, tình cảm lai láng ấy ông vẫn muốn được chia sẻ với ai. Nhưng cũng phải hơn một năm sau, lúc đã chuyển về ở 156 Bà Triệu, ông mới có dịp thực hiện mong muốn này.

Bấy giờ cả gia đình chúng tôi ở số nhà 40 cùng phố với ông, cũng không xa gì lắm. Một ngày tháng Tám mùa thu cách mạng, bác Vũ Đình Liên đã ngồi chép lại nắn nót bài thơ, ghi rõ cả ngày làm (cuối tháng 6/1976) và ngày chép tặng (10/8/1977). Bác trân trọng đề: "Chép lại thân ái tặng chị Nguyễn Huy Tưởng - Vũ Đình Liên" rồi đem đến tặng mẹ tôi. Thú thực, cho đến mãi sau này, tôi vẫn không thật rõ lắm mối quan hệ giữa nhà thơ Vũ Đình Liên và cha tôi thân thiết đến mức nào. Nhưng suy cho cùng, điều đó đâu có gì quan trọng. Cuối năm 1998, tôi được chuyển về Nhà xuất bản Kim Đồng làm biên tập, cơ quan lúc đó đóng ở 62 Bà Triệu.

Tết đầu tiên ở cơ quan mới, tôi có dịp chứng kiến cảnh ông Tú Sốt ngồi viết câu đối ở ngã tư Bà Triệu - Trần Hưng Đạo gần cơ quan. Ông Tú viết đẹp lắm, người mua chữ, xin chữ, người qua đường tò mò đứng lại xem khá đông. Một năm, hai năm, rồi nhiều năm qua đi. Theo chân cha tôi và bác Vũ Đình Liên, đến lượt nhà thơ Tú Sốt cũng đã đi xa. Nhớ đến các ông, tôi xin phép được mượn câu thơ trong bài Ông đồ của Vũ Đình Liên để kết thúc bài viết này:

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?

Tháng 8/2008

Đọc lại bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên Nguyễn Hưng Quốc

Vũ Đình Liên: “Mỗi năm hoa đào nở, lại thấy ông đồ già...”

Ở Việt Nam, liên quan đến đề tài Tết, có lẽ không có bài thơ nào được phổ biến rộng rãi cho bằng bài “Ông Đồ” của Vũ Đình Liên (1913-1996):

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay”.

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm;
Mực đọng trong nghiên sầu...

Ông đồ vẫn ngồi đấy,
Qua đường không ai hay.
Lá vàng rơi trên giấy;
Ngoài giờ mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ ?

Trong hai đoạn thơ đầu, tác giả sử dụng thuần bút pháp tự sự, chỉ kể chuyện, lại là một câu chuyện khá ư bình thường, cứ như một thói quen, một nhịp tuần hoàn quen thuộc: “Mỗi năm... lại thấy...” Chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Song tác giả vẫn không giấu được những xúc động thầm mỹ của mình trước những gì mình nhìn thấy hằng năm. Về sự kiện Tết đến, người ta có nhiều cách để nói: hoặc trực tiếp, gọn lỏn kiểu “Tết đến” hay “xuân về”; hoặc chọn một hình ảnh tiêu biểu của Tết, của mùa xuân như chim én, như nắng mới, như hoa đào nở. Vũ Đình Liên chọn cách sau cùng. Cũng không có gì mới lạ. Sáo nữa là khác. Đã có hằng hà người viết như thế: hoa đào và gió đông và mùa xuân. Dù sao, sự chọn lựa của Vũ Đình Liên cũng rất có ý nghĩa: “Mỗi năm hoa đào nở” là chọn giới thiệu mùa xuân ở một góc đẹp nhất của nó. Trong cái góc ấy, bên cạnh hoa đào, tưởng chừng như cùng nở với hoa đào, là một ông đồ già và mực tàu đen và giấy điều đỏ và có lẽ, một mái tóc trắng phơ phơ.

Ông đồ “nở” cùng với hoa đào, và cùng với hoa đào, ông đồ trở thành biểu tượng của mùa xuân: trong cái đám đông xô bồ những người đi dạo phố thường xuân ấy, có một số khá đông dừng lại bên cạnh ông, chiêm ngắm bàn tay ông đưa ngòi bút thoăn thoắt “như phượng múa rồng bay” trên giấy điều. Thán phục bàn tay ấy, họ dùng chữ: “hoa tay.” Với chữ “hoa tay” ấy, người ta không coi ông đồ là ông đồ, là người dạy học, người truyền bá chữ nghĩa của thánh

hiền nữa mà coi ông như một nghệ sĩ. Khía cạnh thẩm mỹ ở ông nổi bật hẳn lên, lấn át khía cạnh học vấn.

Hơn nữa, chữ “hoa” trong “hoa tay” không thể không gợi liên tưởng đến chữ “hoa đào” trong câu thứ nhất: dường như, khi mùa xuân về, có hai loại hoa cùng nở, một trong vườn và một trong bàn tay của ông đồ.

Trong sự cộng hưởng giữa hoa đào và ông đồ, có cái gì hơi hơi nghịch lý và oái oăm: hoa thì là hoa mới mà người thì là người già, “ông đồ già.” Sau lưng ông đồ, do đó, là cả một quá khứ, cả một truyền thống. “Mỗi năm... lại thấy...” “Mỗi năm” là từ bao giờ? Có lẽ không phải lâu lắm đâu. Ngày xưa, xin câu đối, kể cả câu đối Tết, có lẽ người ta đến tận nhà các ông đồ hay các vị khoa bảng đã về hưu – như trường hợp Nguyễn Khuyến, người làm vô số các câu đối đến bây giờ vẫn còn được nhắc nhở. Hiện tượng “bày mực tàu giấy đỏ / bên phố đông người qua,” nếu tôi đoán không lầm, chỉ là một trong những biểu hiện của xu hướng thương mại hóa, thành thị hóa xảy ra tại Việt Nam từ cuối thế kỷ 19, lúc Việt Nam đã bị Pháp xâm lược. Đó là một thứ nghề nghiệp mới của những người đã già. Cái sự oái oăm này chứa đựng cả một bi kịch lịch sử. Nó nhắc chúng ta nhớ lại sự kiện, cùng với ách ngoại xâm, xã hội Việt Nam bị đảo lộn hoàn toàn, trong đó, có quan hệ trực tiếp đến số phận của ông đồ, là sự tàn tạ của nền nho học. Sự tàn tạ ấy dẫn đến sự thất thế của cả một lớp người, có thời, chúng ta vẫn coi như là những biểu tượng của văn hoá truyền thống Việt Nam. “Nào có ra gì cái chữ nho. Ông nghề, ông cống cũng nằm co,” Tú Xương từng kêu lên như thế, nhức nhối, náo lòng. Trong cảnh xáo xác ấy, học trò đồ xô đi học tiếng Tây. Ông đồ đành từ giã mái trường, chữ nghĩa thánh hiền, từ giã những buổi bình văn, đọc văn để chấp nhận cách sinh kế buồn tẻ là ngồi viết thuê câu đối tết mỗi độ xuân về.

May cho ông, sự thay đổi của truyền thống văn hoá thường chậm hơn sự thay đổi của lịch sử, chính trị, xã hội và hệ thống giáo dục, khoa cử. Quần chúng vẫn còn thói quen trọng chữ nho, ít nhất là trong mấy ngày Tết. Điều đó khiến cho ông, một mặt, có cách sinh nhai, mặt khác, còn những tri âm biết thưởng thức tài hoa của mình, dầu là những tri âm qua đường. Sự thưởng thức nhiệt tình ấy khiến cái chỗ ngồi trở trên bên hè phố của ông trở thành ấm áp hẳn.

Hai đoạn thơ đầu, do đó, không những nói lên sự cộng hưởng, sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên mà còn nói lên sự tương liên giữa những con người với nhau. Ông đồ không ngồi một mình với hoa đào. Bên cạnh ông còn có những khách hàng tri âm. Chung quanh họ là mùa xuân đang ngát hương và lộng sắc. Đẹp. Và vui. Niềm vui tràn lên chữ nghĩa của người kể chuyện: giọng ông vang, mạnh với những chữ bắt đầu bằng phụ âm “đ” giòn giã (đào, đồ, đồ, đông...); ông liếng thoắng, kể liền một mạch, không muốn nghỉ, rất sôi nổi, đầy say sưa, thật hào hứng: trong hai đoạn thơ, mỗi đoạn bốn dòng, về phương diện ngữ pháp, thật ra, chỉ là một câu, một câu thôi:

Mỗi năm hoa đào nở, lại thấy ông đồ già bày mực tàu giấy đỏ bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết tấm tắc ngợi khen tài: “Hoa tay thảo những nét như phượng múa rồng bay.”

Hơi thơ, nhờ thế, rất nhanh. Thoăn thoắt.

Niềm vui ấy kéo dài không lâu. Dù chậm chạp, sự thay đổi vẫn đến. Từ từ. Dần dần. Ông đồ cảm nhận sự thay đổi ấy qua số khách hàng mỗi năm mỗi vắng. Từ sự hờ hững dẫn tới sự lãng quên. “Ông đồ vẫn ngồi đấy. Qua đường không ai hay.” “Qua đường không ai hay”: câu thơ duy nhất toàn vần bằng, rưng rưng như một nỗi ngậm ngùi. Lịch sử, như thế, một lần nữa, lại xua

đuổi ông đồ vào thế giới của lá vàng và mưa bụi. Lá vàng? Tại sao lại có lá vàng rơi trên giấy? Đang là mùa đông, gần Tết cơ mà. Chẳng lẽ là chiếc lá cuối mùa? Chẳng lẽ ông vẫn ngồi đấy, hóa thành bức tượng tang thương, đến tận mùa thu? Hay lá vàng ở đây chỉ là một biểu tượng của sự tàn phai? Tôi không biết. Chỉ thấy buồn. Thật buồn, cái cảnh “lá vàng rơi trên giấy” ấy.

Tuy nhiên, buồn nhất vẫn là câu kệ tiếp: “Ngoài giời mưa bụi bay.” Là người Hà Nội, Vũ Đình Liên phát âm “tr” thành “gi,” “trời” thành “giời.” Lạ lùng thay, âm “giời” – có người sẽ chê là viết sai chính tả – ở đây lại đặc thế. Đã đành dù là “trời” hay “giời” thì câu thơ vẫn là một sự khắc họa hình ảnh cơn mưa bụi đang lất phất bay. Nhưng âm “giời,” nhẹ và dài, dễ gợi cảm giác buồn và lạnh của một cơn mưa bụi lâm thâm, lất rớt rơi trên hình bóng một ông đồ ngồi hiu quạnh với lá vàng và với nỗi thê lương. “Ngoài trời mưa bụi bay” thì chỉ có mưa. “Ngoài giời mưa bụi bay” thì không những chỉ có mưa mà còn có cả cơn rét gậy gậy, se sắt, tái tê.

So với hai đoạn thơ đầu, nhạc điệu trong mấy đoạn thơ sau chùng hẳn xuống. Mỗi dòng hoặc mỗi hai dòng là một câu. Hơn nữa, trong hai đoạn đầu, tám câu, 40 âm tiết, có đến 17 âm tiết mang thanh trắc, tỉ lệ thanh trắc gần một nửa; trong hai đoạn thơ cuối, cũng tám câu và 40 âm tiết, nhưng số âm tiết mang thanh trắc chỉ có 11, tức chỉ hơn một phần tư. Ít hẳn. Hơi thơ, do đó, rất chậm. Và nhẹ. Và lắng. Có cái gì băng khuâng như một tiếng thở dài. Rồi, chưa hết, cả màu sắc cũng phai pha: trước là giấy đỏ thắm, sau, vẫn giấy đỏ, nhưng không còn thắm nữa; cuối cùng, cả giấy đỏ cũng dường như biến mất, chỉ còn là “giấy” thôi, và trên những tờ giấy, là những xác lá vàng.

Đến một lúc nào đó, ông đồ vắng hẳn trên hè phố:

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa

Chữ nghĩa Vũ Đình Liên ý nhị vô cùng. Ở câu thơ đầu tiên, “hoa đào nở”; bây giờ, chỉ còn “đào...nở.” Mất đi một chữ “hoa,” có lẽ, như một cách bày tỏ sự thương cảm đối với người ra đi, cái người, thoát đầu, được gọi là “ông đồ già,” sau đó, biến thành “ông đồ xưa.” “Già” là một khái niệm về tuổi tác; “xưa” là khái niệm về thời gian. Từ “già” đến “xưa,” có vô vàn ngày tháng đi qua. Nhưng chưa hết. Ở hai câu cuối, Vũ Đình Liên sẽ gọi ông đồ là “người muôn năm cũ.” Trong khái niệm “cũ” có sự đánh giá: đó là cái gì đã thuộc về một thế giới khác, xa xăm và xa lạ, đã bần bật mọi dấu vết, đã không còn chút liên hệ gì, dù thật mong manh, với cuộc sống bây giờ. Ông đồ, và cùng với ông đồ, một nếp sinh hoạt văn hoá xa xưa của đất nước, đến đây, hoàn toàn tận tuyệt. Đã cũ. Hơn nữa, muôn năm cũ.

Có thể nói “Ông Đồ” là bài thơ về những sự mất mát. Trước, ông đồ mất một thế đứng trong lãnh vực giáo dục, sau, ông mất những tri kỷ, sau nữa, ông mất cả khách hàng, cuối cùng, chính bản thân ông cũng biến mất. Nên chú ý đến hiện tượng từ bốn khổ thơ trên đến khổ thơ cuối có sự chuyển biến từ số ít sang số nhiều: từ ông đồ đến “những người muôn năm cũ.” Còn sống, ông là một cá nhân, một cá thể, dù là một cá thể buồn tủi, hẩm hiu, “qua đường không ai hay.” Qua đời, cái riêng nhỏ nhoi của ông cũng biến mất: ông bị tan trong cái cõi quá khứ mịt mùng, cái cõi vô danh, vô tung, vô tích của những “muôn năm cũ.”

Nhưng bài thơ không chỉ nói về sự mất mát của ông đồ. Mối quan hệ chính trong bài thơ không phải là quan hệ giữa ông đồ và những người thuê viết mà thực ra là quan hệ giữa ông đồ và hoa đào, giữa con người và thiên nhiên. Ở đầu bài thơ, giữa thiên nhiên và con người có sự hòa điệu rất đẹp: hoa đào nở đẹp như hoa tay của ông đồ. Đến cuối, sự hòa điệu ấy biến mất: đào vẫn nở trong khi ông đồ đã đi vào hư vô.

Cảm hứng của bài “Ông Đồ” dễ gọi liên tưởng đến bài “Đặng U Châu đài ca” của Trần Tử Ngang đời Đường, tuy nhiên, trong khi cảm hứng của Trần Tử Ngang chủ yếu là một cảm hứng siêu hình (1) thì cảm hứng của Vũ Đình Liên chủ yếu là một cảm hứng nhân đạo: cái “du du” của “thiên địa,” cái không cùng không tận của thời gian không làm Vũ Đình Liên rợn ngợp mà chỉ khiến ông ngùi ngùi thương những người đã khuất.

Cảm giác ngùi ngùi thương ấy đọng lại đậm nét ở câu cuối: “Hồn ở đâu bây giờ?” Cả câu thơ chỉ có một thanh trắc. Hơn nữa, chữ “bây giờ” đứng cuối câu, buồn tênh. Phan Ngọc, đây đó, trong nhiều bài viết khác nhau, chứng minh là chữ “bây giờ,” khi đứng đầu câu, nó chỉ là một thông báo khách quan và trung hòa về thời gian: “Bây giờ rõ mặt đôi ta.” Nhưng khi đứng ở cuối câu, chữ “bây giờ” ấy lại trở thành một thông báo đầy cảm xúc. Như trong lời Thúy Kiều nói với Kim Trọng sau mười lăm năm xa cách và bao nhiêu vật đổi sao dời: “Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ” (2).

Chữ “bây giờ,” cuối lời nói của Thúy Kiều, như hai giọt nước mắt; cuối bài thơ “Ông Đồ,” như một nỗi ngẩn ngơ. Cứ còn lại hoài. Bây giờ, và có lẽ, lâu lắm, sau này.

Chú thích:

Bài “Đặng U Châu đài ca” của Trần Tử Ngang như sau:

Tiền bất kiến cổ nhân
Hậu bất kiến lai giả
Niệm thiên địa chi du du
Độc sáng nhiên nhi thể hạ.

Nghĩa là:

Trước chẳng thấy người xưa
Sau chẳng thấy ai cả
Ngẫm trời đất vô cùng,
Một mình lệ đã chã.

2. Đào Duy Anh (1989), Từ điển Truyện Kiều, bản in lần thứ hai, với sự bổ sung và sửa chữa của Phan Ngọc, tr. 46.

Thặng trầm của chữ Nho qua bài thơ Ông đồ Nguyễn Mộng Khôi

Bài thơ Ông Đồ của Vũ Đình Liên xuất hiện khoảng giữa thập niên 30. Trải dài một thời gian gần 70 năm mà vẫn được nhiều người ưa thích. Có trường đem bài thơ dạy học trò. Những học giả nổi tiếng như anh em Hoài Thanh, Hoài Chân viết:

“ Theo đuổi nghề văn, làm một bài thơ như thế cũng đủ, nghĩa là đủ để lưu danh, đủ với đời người.”

Ông Ngô Văn Phú phê bình:

“ Ông Đồ của Vũ Đình Liên dung dị, nhưng là một thi phẩm không ai làm được. Kể từ bấy đến

giờ và có thể nói cả sau này nữa ”.

Năm 1999, ở Hoa Kỳ, nhạc sĩ Vĩnh Sử phổ nhạc, do Làng Văn thực hiện trong video tape “ Khi Mùa Xuân Đến’. Cô Vân Khanh hát được nhiều khán thính giả khen ngợi:



Mỗi năm hoa đào nở.
Lại thấy ông đồ già,
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết
Tám tác ngợi khen tài.
Hoa tay thảo những nét,
Như phượng múa rồng bay

Nhưng mỗi năm mỗi vắng.
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm.
Mực đọng trong nghiên sâu

Ông đồ vẫn ngồi đấy.
Qua đường không ai hay,
Lá vàng rơi trên giấy;
Ngoài trời mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở.
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Ông Đồ là một nhân vật có thật ngoài đời. Ông thường ngồi ở phố Hàng Bò, Hà Nội. Vũ Đình Liên là cháu ngoại một cụ đồ nho; vì vậy tác giả đã cảm thông những thời kỳ huy hoàng cũng như đen tối của nhà nho. Ông tiếc cho một nền Nho học đang suy tàn. Còn đâu cái thời “ kẻ sĩ ” có danh vị vua ban, có chỗ đứng hàng đầu trong dân dã.

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt.
Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên.
Nguyễn Công Trứ

Bài thơ chỉ có 20 câu ngắn ngủi với vắn vẹn 100 tiếng mà lại bao quát được một vấn đề quan trọng. Từ thuở chữ Nho thành hình ở Trung Hoa. Sau đó du nhập vào Việt Nam, rồi thời kỳ hưng thịnh hàng chục thế kỷ, tiếp theo là suy tàn và đang trên đà lụi tắt. Bài thơ đã đi trọn một vòng sinh mệnh qua 4 thời kỳ: Sinh, Trụ, Hoại, Diệt.

1-Thời kỳ thành hình và du nhập (Sinh):

Chữ Nho có mặt thời Hoàng Đế ở Trung Hoa, cách nay khoảng 4000 năm. Viên Thái sư Thương Hiệt dựa trên dấu chân chim và dấu chân thú vật để lại trên cát mà sáng chế ra chữ.

Tới nhà Tần (221-207 trước CN), tể tướng Lý Tư chế ra bộ Tam Thương gồm 3300 chữ . Tới thế kỷ thứ nhất sau CN , Hứa Thận lại làm ra bộ tự điển 10.516 từ ngữ.

Chữ Nho du nhập vào nước ta lúc mà nhà Tần sai tướng Đồ Thư sang chiếm Giao Chỉ thời An Dương Vương. Dưới triều Hán Linh Đế (168-189), có Lý Cầm người bản xứ, giỏi chữ Nho, đậu Hiếu Liêm (tương đương cử nhân) được cử ra làm quan. Từ đó, nhiều người Giao Chỉ học chữ Hán. Thời tự chủ, từ Ngô Quyền tới Nguyễn sơ, người học chữ Hán ngày càng đông.

2-Thời kỳ hưng thịnh (Trự):

Bài thơ bắt đầu bằng một hình tượng rất đẹp, chứa đựng sức sống mùa xuân và man mác thơ Đường:

Mỗi năm hoa đào nở

Chính tác giả cho biết là ý thơ từ một câu nổi tiếng của Thôi H: “ Đào hoa y cựu tiếu đông phong “. Tất cả đều gợi nhớ một thời Nho học thịnh hành, khi mà chữ Nho được coi là chữ của Thánh Hiền. Người nào học nhiều là được xã hội kính trọng. Muốn tiến thân thì ra làm quan, muốn lui thì về làm “ thầy đồ ” (tiến vi quan, thoái vi sư). Để đạt làm quan thì được mát mặt gia đình, dòng họ. Nếu không thì làm “ thầy đồ ” (ông đồ hay anh đồ) vẫn được nhiều người nể vì, mong ước:



*Chẳng tham rung cả ao liền,
Tham vì cái bút, cái nghiên anh đồ*

Ông Đồ hãnh diện ngồi viết chữ Nho ngay trên hè phố nhôn nhịp để khoe tài:

Mỗi năm hoa đào nở.

Lại thấy ông đồ già,

Bày mực tàu, giấy đỏ,

Bên phố đông người qua.

Hình ảnh Ông Đồ trong bài thơ là cái biểu tượng cho nền Nho học, một nền văn hóa kéo dài hàng mấy ngàn năm và đã góp phần quan trọng trong việc đào tạo nhân tài cho đất nước, cũng như rèn luyện tính cách đặc trưng bản lĩnh Việt Nam.

Bao nhiêu người thuê viết,

Tám tắc ngợi khen tài.

Hoa tay thảo những nét,

Như phượng múa rồng bay...

Ông Đồ vừa hãnh diện vừa có một niềm vui thanh thoát. Biết bao người tìm đến ông để thuê viết vì từ trong tiềm thức sâu xa nhất của mình. Họ tin rằng Ông Đồ là người đem đến cho họ những gì có tính chất tinh hoa nhất trong truyền thống văn hiến của dân tộc; và có được chữ đẹp như “ phượng múa rồng bay ” để thưởng lãm ở nhà. Đó không những là một phong tục tốt đẹp mà còn là một niềm vui trí tuệ lớn lao mang đậm đà hương vị văn hóa dân tộc.

3-Thời kỳ suy tàn (Hoại):

Bắt đầu từ những thập niên cuối thế kỷ 19 khi mà người Pháp mang một nền văn hóa mới đến nước ta. Đầu thế kỷ 20, khoa thi Hương Đình Dậu cuối cùng ở Bắc kỳ. Có quan Toàn Quyền Paul Doumer và phu nhân tham dự. Các sĩ tử trúng tuyển vào lạy tạ ơn những vị giám khảo và luôn cả quan Toàn Quyền cùng phu nhân. Nhà thơ Tú Xương chứng kiến:

*Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt,
Dưới sân ông cử ngông đầu rồng.*

Thật là một điều nhục nhã cho các ông Tú, ông Cử. Họ là những người được xã hội xưa kính trọng, nay phải đứng dưới sân mà lạy một mục đàn bà vênh váo và kهن kiêu.

Sau khóa thi chót, chữ Nho cùng với nền Hán học không còn giữ địa vị độc tôn nữa mà nhường bước cho nền văn hóa mới với những lớp người mới. Vì vậy, người thuê viết ngày một vắng:

Nhưng mỗi năm mỗi vắng.

Người thuê viết nay đâu ?

Giấy đồ buồn không thấm.

Mực đọng trong nghiên sầu..

Trần Tế Xương còn mỉa mai và đau xót cho một nền Nho học đã có mặt ở nước ta từ mấy ngàn năm, nay đang bị thay thế bởi nền tân học:

Đạo học ngày nay đã hồng rồi.

Mười người đi học, chín người thôi...

hoặc:

Nào có ra gì cái chữ Nho,

Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co.

Ông Đồ không chịu nằm co. Ông vẫn kiên trì không chịu thua một cách dễ dàng:

Ông Đồ vẫn ngồi đấy.

Nhưng mà nền văn hóa Nho đã tỏ ra bất lực trước sự tấn công mãnh liệt của ngọn gió văn hóa phương Tây, đã được quảng đại quần chúng hưởng ứng. “ Ông Đồ vẫn ngồi đấy ”, nhưng người qua đường “ lơ đi ” như không trông nhìn thấy.

Qua đường không ai hay..

4- Thời diệt vong (Diệt)

Ngày xưa mỗi đô hoa đào là Ông Đồ rôn rã “ *bày mực tàu giấy đồ* ” và “ *bao nhiêu người thuê viết* ”. Nhưng năm nay “ *hoa đào lại nở* ”, mà chẳng ai thuê . Ông có cảm tưởng là những tờ hồng điều năm nay không đỏ tươi như những năm trước : “ *Giấy đồ buồn không thấm* ”; “ *Những lá vàng rơi trên giấy, ông không buồn nhặt.* ” Trời lại lất phất mưa như phụ họa thêm cái cảnh tiêu sơ: “ *Ngoài trời mưa bụi bay* ” Năm sau cùng (hay là thời mà cái học nhà Nho cáo chung), người ta không thấy Ông Đồ nữa:

Năm nay đào lại nở.

Không thấy ông đồ xưa,

Những người muôn năm cũ,

Hồn ở đâu bây giờ?



Vũ Đình Liên phải kêu lên một cách bi thiết: “ *Hồn ở đâu bây giờ* ” chính là những câu hỏi đã từng làm day dứt biết bao nhiêu người Việt yêu nước và yêu văn hóa dân tộc. Hồn nước ở đâu? Hồn thiêng sông núi ở đâu?

Bài thơ Ông Đồ trải qua 4 thời kỳ: Sinh, Trụ, Hoại, Diệt giống như đời người. Chữ Nho

đang ở thời kỳ diệt vong. Tại Trung hoa bây giờ, chữ viết theo “ dấu chân chim ” của Thương Hiệt, đang được thay thế bằng hệ thống “La Tinh hóa ” là Wades Giles, dùng trong những sách của người Tây phương viết về Trung hoa và Pin Yin mà chính phủ

Công Hòa Nhân Dân Trung Hoa cho xử dụng trong các văn kiện và các tác phẩm viết về Trung hoa. Chữ Nho rồi sẽ lịm tắt như như những tử ngữ của người Incas nam Mỹ châu và người Phénicie Ai cập cách nay 6000 năm./.

Phụ đính II



Chùm thơ Vũ Đình Liên

Lão tú tài Ông đồ

Niên niên đào hoa khai
Hựu kiến lão tú tài
Lộ biên trình mặc chỉ
Nghinh quần nhân vãng lai

Đa khách mãi tha tự
Vô biên thán hảo tai!
Phi long dữ vũ phụng
Nhất bút trung thượng đài

Ái giả tòng niên thiếu
Hà phương tự an bài
Hồng chỉ giảm quang sắc
Hàn mặc nghiêng trung ai

Lão nhân thượng thử địa
Hành nhân bất tri thủy?
Lạc điệp hoàng hồng chỉ
Thiên không khinh vũ phi

Kim niên đào mẫn khai
Một kiến lão tú tài
Thiên cổ nhân hà tại
Hồn hề bất quy lai?

Át Dậu xuân - Vĩnh Ba dịch

“Ông đồ” ra Hán văn.

Thành cũ

Dậy đi thôi con thuyền nằm dưới bến ,
Vì đêm nay ta lại căng buồm đi
Mái chèo mơ để băng khuâng trôi đến
Một phương trời mây lọc bóng trăng khuya

Gió không thổi , nước sông trôi giá lạnh
Thuyền đi trong bóng tối lữ thành xưa
Trên chòi cao , từ ngàn năm sực tĩnh
Trong trăng khuya bỗng vắng tiếng loa mơ

Từ ngàn năm cả hồn xưa sực tĩnh
Tiếng loa vang giây lát động trăng khuya
Nhưng giây lát lại rơi im hui quạnh
Cả hồn xưa im lặng trong trăng khuya

Trôi đi thuyền ! cứ trôi đi xa nữa
Vỗ trăng khuya bơi mãi ! cánh chèo mơ
Lòng ta là những hàng thành quách cũ
Từ ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa

Lũy tre xanh

Lũ khách bao năm xa vơi quê cũ
Bỗng chạnh lòng nhớ tới lũy tre xưa
Vắng vắng trong mơ tiếng sáo đặt dờ
Lòng trong gió như tiếng tơ trầm bổng

Tiếng kéo kẹt trong đêm khuya hui quạnh
Vờn trong sương vương điệu nhạc u buồn
Hoà âm cùng tiếng gọi của ếch ương
Thoảng trong gió âm hồn muôn ngàn kiếp

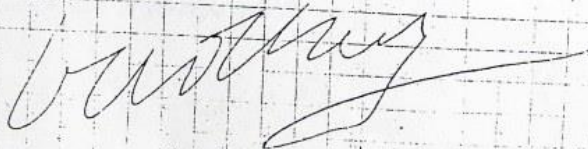
Có những lúc mưa nguồn tuôn như trút
Lũy tre xanh oằn oại thật thê lương
Cành lá tả tơi trông thật u buồn
Như cố đứng trong tang thương vạn cổ

Cũng có lúc lũy tre xưa bật khóc
Lại bật cười giữa vạt nước điều linh
Thăm thẳm tâm tư bày tỏ chân tình
Nào ai thấu nỗi buồn hằng u uất

Vũ Đình Liên

Cụ Phạm Quỳnh ơi, cụ Thượng ơi!
Tài hoa như cụ cơ đầu hai
Truyền^h kiêu còn mắt dân còn mắt
Ngọn gió Nam Phong mát đất trời
Lương quốc Trưng nguyên xưa đã có
Tam bang nguyên bác bây giờ ai
Đường Đình, Mộ Trạch và Chu Xá
Phạm Vũ công danh sự nghiệp đời

28-3-1992



(Gác Hương Lửa, 1568 Bà Triệu
Hà Nội)

Bản thảo viết tay có chữ ký tác giả

Bảy mươi ba tuổi hồi hận

Bảy mươi ba tuổi
Dạy học, làm thơ
Đôi mắt đã tối
Mái đầu bạc phơ!

Công cha còn nợ
Nghĩa mẹ chưa đền
Nước, Đồi, vẫn đó
Hai gánh còn nguyên.

Chỉ mừng một điều
Bỏ lộc quyền lợi
Hưởng chẳng bao nhiêu
Cùng dân no đói.

Còn chút hơi tàn
Có tâm, không lực
Ngoảnh nhìn giang san
Thẹn cùng Trời Đất

Nhớ công ơn Bác
Khó nuốt miếng cơm
Khôn nhắm đôi mắt
Hối hận thơ tuôn

Ngày xưa Đòi, Hối
Còn sống dưới mồ
"Nghĩa nhân" Nguyễn Trãi
Bốt-le "thương thơ" (1)

Cũng tuổi bảy ba
Đọc thơ "Tự cảnh" (2)
Xót lòng người xưa
Khơi sâu hối hận

Mấy lời Tự Răn
Mấy vắn Tự Hận
Khôn hết ăn năn
Gửi cùng trò, bạn

Cho nhẹ mỗi hận
Cho khuấy nỗi buồn
Thày, chưa tròn phận
Thơ, chẳng nên hồn.

Cuối tháng 10-1986

*(1) Bài thơ "Nợ đời" của nhà thơ Pháp Sác-lơ Bốt-le,
nhà thơ lớn giữa thế kỷ XIX (1822 - 1867).*

(2) Thơ Đặng Huy Trứ, nhà thơ giữa thế kỷ XIX (1825 -1874).

Người kỹ nữ Cầu trò

"Đường về Hà Nội, cầu Trò qua
Nghe chuyện người xưa, dạ xót xa
Đêm tiệc ai say làm phách đổ
Mai sương người thấm lớp mưa sa
Hai manh xiêm áo, khôn ngăn giá
Nửa kiếp phong trần luống rụng hoa
Vị phỏng Nguyễn Du còn bút lệ
Đoạn trường thêm mấy khúc bi ca
"Một mái liêu xiêu năm tháng qua
Bên cầu nắng dãi với mưa sa
Trăm năm chồng chất oan hồn nặng
Nửa kiếp lạnh lòng ân ái xa

Thuở mới trời nghiêng hồn xót nước
Chuyện xưa cành gãy khách thương hoa
Cõi âm bừng dậy hơi dương ấm
Lòng bắt đầu tan hận xướng ca”

Người đàn bà điên ga Lưu Xá

"Người đàn bà điên ga Lưu Xá
Ngồi ngay trước mặt dưới chân tôi
Ai vẽ được thiên tài hội họa
Chân dung kia kinh tởm tuyệt vời
Công chúa điên rồ và rách rưới
Hình ảnh lạ lùng chữa có ha
Cả tượng tượng Đông Tây cộng lại
Khôn dựng nên dù một phần mười
Bao tải xơ ni lông nát vụn
Sợi dây thừng buộc mũ rách bông
... Tôi ngồi ngắm mắt không hề mỏi
Đồng rác kia xưa đã là hoa...
Ai dun dũi và ai sắp đặt
Một nhà thơ với một người điên
Tôi bắt gặp ba lần cặp mắt
Nhẹ cắn thù như muốn làm duyên"...

Và đoạn tặng người đàn bà điên món quà Tết:

...Người nhận quà đưa tay đón tay
Chẳng rằng chẳng nói mặt như ngây
Chia tay không một lời hò hẹn
Hai mặt ảnh hình bốn mắt ghi
Tôi đi tìm đến những người thân
Bè bạn cháu con xa với gần
Ngày Tết cổ truyền vui thiếu đủ
Nhìn mặt người như ngắm hoa xuân
Còn tôi biết cuộc đời đã trút
Lên hoa kia sương tuyết nặng dày
Đời độc ác lòng người bội bạc
Làm hoa kia thành đồng rác này
Đời sẽ đổi lòng người sẽ đổi
Sẽ trở về tình xót nghĩa thương
Hãy trút hết áo quần hôi thối
Cho thịt da lại toả hương thơm
Người em Lưu Xá ở đâu đây
Có thấy ám lòng xuân nắng hây
Một đóa hoa tàn nay nở lại
Thắm hồng trong buổi mới xuân nay"

Phụ đính III

Cao đàm khoát luận

Đang khảo chữ để khảo văn bỗng không vô được trong buổi nói chuyện của một ông đồ có mảng chữ “cao đàm khoát luận”. Rứa óc chả hiểu nghĩa lý gì? Tra tự điển Hán Việt *cao đàm khoát luận* là: “*phiếm* đàm suông, mà không thiết với sự thật”.

Nghे hơi chữ lạ, bèn lấy làm tựa đề cho bài viết về những ông đồ.

Thế nhưng khôn khổ với ngữ nghĩa là nghĩa của chữ Hán, thì “phiếm” gồm bộ thủy và bộ phạt, thủy nghĩa nổi trôi, phạt là vô định. Vì vậy bài khảo văn về những ông đồ dưới đây lại lan man vô chừng tới...cụ Nguyễn Tuân, ông Vũ Trọng Phụng.

Ấy là chưa kể lau lất tới *Cành đào Nguyễn Huệ* với...tuồng chèo.

Chuyện dây cà ra dây muống thế này...

“Mỗi năm khi hoa đào nở, tôi (Hà Sĩ Phu) lại đến thăm nhà thơ Tú Sốt, một ông đồ. Trong cái thanh tịnh của một sớm đầu xuân, ông đồ Tú Sốt kể lại cho tôi nghe buổi “hầu chuyện” thơ của ông với cụ Vũ Đình Liên. Đây cũng là buổi “hầu chuyện” cuối cùng của Tú Sốt với tác giả *Ông đồ* vì sau đó vài năm, thi sĩ tài hoa này đã về nơi vĩnh hằng. Một buổi chiều nhạt nắng, sau khi thấp hương viếng mộ nhà văn Vũ Trọng Phụng, nhà thơ Tú Sốt đã mời ông đồ Vũ Đình Liên lại nhà mình để được “hầu chuyện”.

Ông kể lại kỷ niệm này: “Ít người biết bài thơ Ông đồ của cụ Vũ Đình Liên nặng kỷ niệm về người vợ tảo tần. Cụ gọi đó là cái tình tri âm, tri kỷ đã theo cụ trọn cuộc đời. Bà chỉ là cô hàng xén ở phố Hàng Bò. Cụ Liên khi đó là anh thư sinh học trường Bưởi, ngày nào cũng đi qua con phố có cô hàng xén để thương đó và chẳng biết tự bao giờ, anh đồ trẻ thi sĩ đã phải lòng. Phải lòng gánh hàng chỉ có kim, chỉ, đèn dầu, phải lòng người bán hàng nhu mì, đôi má ửng hồng e thẹn mà sau này là vợ. Nhưng anh đồ trẻ Vũ Đình Liên còn phải lòng cả cái khung cảnh bên cạnh gánh hàng xén.

Vì bên cạnh cô hàng xén còn có một ông đồ già ngồi viết chữ. Ông đồ nghèo đến nỗi phải ngồi ở vỉa hè để “hàn nho mãi tự”, mà không có cả tiền mua giấy nên phải ngồi bên cô hàng xén. Để khi có khách đến thuê viết, ông đồ chỉ cần với tay về phía cô hàng xén: “Này, này, cô cho tôi nhờ tờ giấy, nhờ cái bút”, vậy là được cả đôi bên! Họ cứ dung dị sống, dung dị gắn bó mưu sinh với nhau trên một góc vỉa hè chật chội mà đâu có biết rằng, có một anh chàng thư sinh nho nhã đã khắc ghi hình ảnh đó trong lòng.

Tâm sự điều này với ông đồ Tú Sốt, cụ Vũ Đình Liên mắt ngấn nước: “Nhưng cụ ạ, có lúc tôi cảm thấy bài thơ *Ông đồ* hình như không phải của mình mà là tiếng nói từ ngàn xưa vọng lại”.. Chuyện này được ông đồ Tú Sốt ghi lại vào một chiếc băng cassette cũ kỹ, thỉnh thoảng, nhớ bạn nhớ cảnh, ông lại mang ra nghe, đủ thấy mối thâm tình của hai tâm hồn hoài cổ đồng điệu như thế nào”.

Với ông Tú Sốt, mót chữ tôi kỳ óc nghĩ ông (1) là ai. Chỉ đồ chừng “sốt” là bị bỏ...sốt chẳng. Học theo cụ Nguyễn Du thi nhân bất đắc kiến, kiến thi như kiến nhân, tức *khách thơ nào thấy được, đọc thơ như thấy người*. Bèn đi tìm ông đồ Tú Sốt.

Gặp buổi nắng không ư mưa không chịu, lại tới tuổi tịch dương vô hạn hảo, bỗng dưng mang cái tâm trạng sĩ tử Văn Miếu của một thời văn học. Trong cái tâm thái *đạp cổ kính ra tìm lấy bóng, xếp tàn y lại để dành hơi* qua một thời nghiên bút. Hoặc tìm về với *ngìn năm gương cũ soi kim cổ, cảnh đấy người đây luống đoạn trường* cùng nước còn cau mặt với tang thương...Cùng tang thương ngẫu lục, bèn ngộ đâu không thấy chỉ thấy bờ mê bến lú, mót chữ

tôi...lú lẩn đi tìm đi tìm khoảnh thời gian đã mất với chi, hồ, giếng, đã qua những ông đồ sa cơ lỡ vận. Thì lại gặp....“ông đồ Phồn” bên phố đông người qua để thành chuyện dây cà ra dây muống.

Vì ông đồ Phồn lại lây dây đến....*tuồng chèo* như dưới đây.

Chuyện là nhà sử học Lê Văn Lan có một bài giới thiệu về chùa Bộc ở Hà Nội.

“Cảnh vật chùa làm tôi nhớ đến chuyện tình cảm động của công chúa Thăng Long Lê Ngọc Hân với Hoàng đế Quang Trung, sau chiến thắng quân Thanh, nhà vua cho mang cảnh đào về báo tin thắng trận cho vợ, mang cả mùa xuân Thăng Long về Phú Xuân”.

Theo một nhà làm văn học miền Nam ở ngoài nước thì...

“Chi tiết cảnh đào ngon lành này đắt giá đến nỗi đã được *chính thức đưa vào lễ hội Đống Đa hàng năm*. Được các văn nghệ sĩ khai thác tối đa sau này, lâu ngày chày tháng, nó được nhìn nhận là sự thật trong tâm tưởng của không ít người để tin.

Sách sử trước kia không hề có ghi chép nào về “cảnh đào Nguyễn Huệ”, vậy chi tiết này từ đâu ra? Thưa rằng, từ trí tưởng tượng bay bổng của *một kịch tác gia miền Bắc xã hội chủ nghĩa viết về tuồng chèo*. Nghệ thuật tuồng, chèo ở ta gần như mai một, việc tìm kịch bản chèo về “Quang Trung” là vô phương. Tuy nhiên, nhờ chi tiết cảnh đào Quang Trung tặng vợ quá “đắt”, nên vẫn còn có người ghi nhớ và chứng thực. Nhưng Nguyễn Đình Thi, Văn Chỉnh cho rằng nó do *ai đó hư cấu*.

Đồng tình với Nguyễn Đình Thi, Văn Chỉnh, nhà thơ Trần Đăng Khoa viết: “Một lần tôi nói chuyện với nhà văn Văn Chỉnh về cảnh đào Nguyễn Huệ gửi công chúa Ngọc Hân. Tôi nghe nói nhà viết chèo, *hình như là Việt Dung thì phải*, chi tiết ấy là do ông bịa ra trong vở chèo chứ không có chuyện đó trong thực tế. Phải ghi nhận sáng tạo rất có ý nghĩa, nhưng ghép nó vào lịch sử thì tôi e là mình lại nhầm lẫn đấy”.

Qua mảng rối chữ trên, mót chữ tôi góp nhóp chữ nghĩa về vở chèo cảnh đào Nguyễn Huệ và những tác giả viết chèo khác. Ý đồ là mai này ngày rộng tháng dài, mót chữ tôi sẽ viết ngành chèo cổ đang mai một. Thăng như hàng ngày, hàng năm, qua từng khúc, từng đoạn, mót chữ tôi năng nhặt chặt bị được dưới đây....

Chèo có lịch sử hình thành từ thế kỷ X, dưới thời nhà Đinh với Hoa Lư là đất tổ của sân khấu chèo. Đến thế kỷ 14, trước kia chèo chỉ có phần nói và ngâm, sau nhờ bắt được một tù binh Mông Cổ, ông tù binh này đưa “Kinh kịch” vào chèo nên chèo có thêm phần hát. Tới thế kỷ 15, Lê Thánh Tông không cho diễn chèo trong cung đình, vì ảnh hưởng đạo Khổng. Chèo trở về với đình làng với Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ, v...v....

Chèo sân đình sân khấu chèo chỉ là một chiếc chiếu trải ngoài sân, đằng sau treo chiếc màn nhỏ, diễn viên và nhạc công ngồi hai bên mép chiếu tạo dàn đế. Vì vậy mới có “chiếu chèo” chỉ gánh hát chèo (*hay phường chèo*). “Hề chèo” là vai diễn thường có trong các vở diễn chèo. Các cảnh diễn có vai hề là nơi để cho người dân bóng gió xa gần những thói hư tật xấu của vua quan, những nhố nhăng trong làng xã. Từ nhố nhăng, dân gian mới có câu “đồ phường chèo”.

Chèo cụ là đàn nguyệt, đàn nhị và đàn bầu. Ngoài ra, còn thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ. Trống con dùng để giữ nhịp cho hát, cho múa và đệm cho câu hát. Vì chưng mới có câu nói “phi trống bắt thành chèo” chỉ việc quan trọng của chiếc trống trong đêm diễn chèo.

Chèo khác tuồng vì *tuồng chỉ ca tụng những anh hùng vua quan của triều đình*. Trong khi *chèo miêu tả cuộc sống bình dị của dân quê*. Các làn điệu chèo chịu những ảnh hưởng từ hát chầu văn, hát xẩm, hát ca trù, hát xoan, hát quan họ. Chèo không cố định năm hồi một kịch như

kịch hay tuồng, người diễn chèo được ngẫu hứng bề lạn, nắn điệu để thể hiện cá tính của nhân vật. Đặc điểm của chèo là trò nhại từ thế kỷ 10, nhại từ các truyện cổ tích, điển cố, vì dựa trên các trò nhại này nên các vở diễn dài hơn. Đặc điểm nữa của chèo là yếu tố kịch tính với tự sự, vì vậy ngôn ngữ chèo có những đoạn câu thơ chữ Hán, ca dao thể lục bát phóng khoáng về câu chữ. Do vậy, chèo kéo dài hay cắt ngắn tùy thuộc vào cảm hứng của người trình diễn hay của khán giả.

Ấy vậy mà cả đời mót chữ tôi chả thấy “chiếu chèo” ở sân đình đâu. Trong tâm thái nhĩ văn mục đồ nôm là *tai nghe mắt thấy*... lại thấy cụ Nguyễn Đăng Thục viết ở đâu đó: “Những đóng góp của *Tào Mạt* đã tạo nên một sức sống mới cho nghệ thuật chèo trên cả ba mặt: triết học, nghệ thuật và nhân văn”. Thế là mót chữ tôi khất chữ đi tìm người viết chèo Tào Mạt. Đang hẻo chữ thì vớ bẫm được cái thú xem chèo...

Ăn no rồi lại nằm khoèo
Nghe giục trống chèo vỗ bụng đi xem
Chẳng thèm ăn chả ăn nem
Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát chèo

Không hẹn mà gặp, cũng như nhà sử học Lê Văn Lan viết về chùa Bộc ở Hà Nội. Mót chữ tôi gặp ông Tào Mạt với chùa Vĩnh Phúc...

(...) Tào Mạt (2), người cùng làng, cùng thời với tôi (Phan Lạc Tiếp), vừa mới lớn đã hăng say theo mặt trận Việt Minh chống Pháp. Nhưng khi mặt trận Việt Minh ra lệnh phá ngôi chùa Vĩnh Phúc của làng theo chủ trương vườn không nhà trống thì cán bộ huyện Tào Mạt ngậm ra tay ngăn cản. Ngôi chùa được giữ nguyên nhưng Tào Mạt bị đi học tập một thời gian dài. Năm 1950, Việt Minh ra mặt tận diệt những ai không phải là người của họ, một đêm bên bờ sông Thao, Tào Mạt nói với anh em tôi: “Các anh đi đi. Đây không phải là đất của các anh đâu. Đi ngay trước khi quá trễ”. Anh em tôi sau đó di cư vào Nam chống lại cộng sản, trong đó có người bạn thân, người ân nghĩa Tào Mạt. (...)

Phải gió phải giảng gì đâu chả biết nữa, bạn đọc gọ gạy rằng ông Tào Mạt này ắt hẳn là...mạt vận nên chả dậu đỡ bìm leo đến cành đào gì sất. Ấy đấy, thưa bạn đọc, chuyện nhè ở ngay đây, số là mót chữ tôi đang khất chữ thì vớ được câu: “Với Tào Mạt và một vài tác giả hát chèo khác như *ông đồ Phồn*, chèo có thêm mảnh đất vô cùng phong phú lịch sử bốn ngàn năm của dân tộc”.

Là người mẫn cảm với hơi hám nên thấy ai đánh rắm to ở đâu là tìm đến. Mót chữ tôi tìm đến *làng Đình, quê ông đồ Phồn*, từ câu hát dân gian về làng chèo từ xa xưa...

Bữa ấy mùa xuân phơi phơi bay
Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đây
Hội chèo làng Đình đi ngang ngõ
Mẹ bảo thôn Đoàn hát tối nay

Dựa vào câu “Đồ Phồn, chèo có thêm một mảnh đất (...) lịch sử bốn ngàn năm (...). Ở đất địa linh nhân kiệt, lại được người ngự sử văn đàn ở trên cũng thêm câu: “Nghệ thuật tuồng chèo ở ta gần như mai một, việc tìm kịch bản chèo về Quang Trung là vô phương”, vì vậy trộm nghĩ bất thế kỳ nhân phải là...ông. Vì vậy mót chữ tôi chắc như đinh đóng cột người viết chèo lịch sử là ông. Bởi ông đồ Phồn viết “Trần Hưng Đạo diễn ca”, ắt ông là người viết vở chèo kịch “Cành đào Nguyễn Huệ”.

Sau đấy mót chữ tôi rổi chữ về ông đồ của làng chèo từ một thời xa xưa:

Ông Đồ Phồn tên thật là Bùi Huy Phồn, sinh ngày 16-12-1911 tại Phố Đàm, tỉnh Bắc Giang. Ông mất ngày 31-10-1990 tại Hà Nội, hưởng thọ 78 tuổi. Cha ông là một nhà nho, chi trưởng họ “Đại Bùi”. Ông thi cử không đỗ, bỏ làng phiêu bạt lên Bắc Giang làm *thầy đồ*. Ông học chữ

Hán hết chương trình tú tài và thông thạo tiếng Pháp. Ông dạy học, viết văn, làm thơ, cộng tác với báo *Hà Nội báo*, *Phong hóa*, *Tiểu thuyết thứ năm*... Để bước được vào làng văn và có được một bề dày văn phẩm, thi phẩm, thì những ngày đầu “chập chững” vào làng văn, ông phải bỏ làng ra đi...

Năm ấy, khi ông mới 15, 16 tuổi, thấy mẹ đi chợ mua giấy hồng điều mang sang nhà cụ đồ Hai trong làng nhờ viết cho dăm câu đối bằng chữ Nho mấy ngày Tết. Thấy có giấy hồng điều, ông tự nghĩ ra đôi câu đối dán vào hai cột cổng ngoài nhà thờ họ "Đại Bùi". Những chức sắc làng không nổi giận sao được khi đọc câu đối ông viết thế này:

Mồng một Tết người đội mũ cánh chuồn khoe mẽ
Ba ngày xuân tớ trùm nơm mẹ đĩ ngâm thơ

Mặc dù chưa có vợ nhưng Bùi Huy Phồn vẫn “mượn tạm” cái nơm mẹ đĩ để đối với mũ cánh chuồn. Thật là hả hê quá, mũ cánh chuồn đối với cái váy đàn bà.

Nhân ngày giỗ tổ họ Bùi, là dịp để cụ tuần Anh nói với mẹ Phồn: “Phải đưa thằng Phồn ra nhà thờ họ ngay”. Phồn vừa bước đến cửa, cụ tuần Anh quay sang nói với mọi người trong họ: “Mồng một Tết, tôi vận phẩm phục triều đình đi hành ngời trong thôn, xóm, cho dân làng được ra bái yết lấy may. Thế mà thằng này dám làm câu đối nói láo”.

Phồn lấp bắp định cãi thì cụ tuần Anh đập tay xuống tráp, hét lớn:

- Câm! Tao lại sai nó nọc cổ mày xuống trước từ đường, đánh cho tan xác bây giờ.

Mày muốn làm cộng sản thì mày ra Hà Nội. Thôi cút!

Vẫn cái tật đến chết không chừa là thấy người ăn khoai cũng vác mai đi đào. Mót chữ tôi đào xới khi ông làm *hiệu trưởng đầu tiên của trường viết văn Nguyễn Du*. Một lần ông đang đàn nói chuyện phiếm và ngâm thơ

Khi vui đọc truyện Đò Phồn
Khi buồn lại giở (bỏ 2 chữ) ra xem

Ai nấy bò lẩn ra cười, ngồi ở dưới, Quang Dũng sửa lại là... “*lọ côn*”. Rồi cái vạ văn chương đến với ông, năm 1961 ông viết tiểu thuyết “Phát” hưởng ứng phong trào cải tạo tư doanh ở Hà Nội. Trong vụ Nhân văn Giai phẩm ông viết bài “đánh” Trương Tửu. Xuân Sách viết chân dung ông gọi trịch “đồ phồn” thành “đồ phần”, “đồ vôi”:

“Phát” rồi ông mới ăn “Khao”
“Thơ ngang” chạy dọc bán rao một thời
Ông đồ phần, ông đồ vôi
Bao giờ xé xác cho tôi ăn mừng

Mót chữ tôi thu vén chữ nghĩa với Nguyễn Tuân, qua tập thơ *Chân Dung nhà văn* của Xuân Sách. Nguyễn Tuân trước nổi đình đám với *Vang bóng một thời*, nhưng sau ông tự tước bỏ gai góc, xù xì để trở thành một nhà văn chỉ “ngợi ca chế độ”:

“Vang bóng một thời” đâu dễ quên
Sông Đà cũng muốn đẩy thuyền lên
“Chén rượu” tình rừng cay đắng lắm
“Tờ hoa” lại chút lệ ưu phiền

Ừ thì chuyện đánh đấm của đám sĩ phu Bắc Hà đông như quân Nguyên. Thảng như qua bài viết *Nhớ và nghĩ về Vũ Trọng Phụng* của ông Đò Phồn dưới đây:

“Tôi hơn Vũ Trọng Phụng một tuổi, nhưng vào làng văn sau anh vài ba năm. Tôi nhớ lần đầu tiên gặp anh ở một tiệm thuốc phiện của cụ Đốc Trịnh, sau đền Bà Kiệu, bờ hồ Hoàn Kiếm, do một người bạn giới thiệu: “Vũ Trọng Phụng nó nói tới mày luôn sau khi đọc mấy bài thơ và truyện ngắn của mày. Hôm nào, tao dẫn đến gặp nó”.

Năm 1962, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật tổ chức cuộc hội thảo về nhà văn Vũ Trọng Phụng mà về sau này tôi mới biết những cuộc họp này do Hoàng Văn Hoan đứng giật dây bên trong. Có người tâu với Hoàng Văn Hoan rằng Vũ Trọng Phụng viết bài “chửi cộng sản” ở *Đông Dương tạp chí*. Thật ra, đấy chỉ là một bài báo khen chê lung tung cả đệ tam, đệ tứ. Hoàng Văn Hoan đọc bài báo này, đánh Vũ Trọng Phụng là “văn gian”. Phe thứ nhất có Tố Hữu, đánh Vũ Trọng Phụng là tay sai đế quốc thực dân, là tởrốtkit. Phe thứ hai chống lại có Nguyễn Hồng, Nguyễn Công Hoan, và tôi”.

Trong chốn làng văn ông có những người bạn chữ nghĩa như Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng...Đến như Bùi Xuân Phái cũng vẽ tranh bìa thơ cho ông.



Bìa tập “Thơ ngang”
của Đồ Phồn
tranh Bùi Xuân Phái

Theo mót chữ tôi bòn vót ông chẳng đến nỗi nào để mang cái vạ chữ nghĩa, nên búi bán cho là với định mệnh tại thiên thư. Vì thư kinh có câu tùy ngộ nhi an mà mót chữ tôi hiểu là *tùy hoàn cảnh sống sao cho yên ổn* với thời thời thế thế, thế thời phải thế..

Mót chữ tôi hăm hụi bắt qua cụ Nguyễn Tuân. Một ngày, trong buổi cao đàm khoát luận, cụ Nguyễn uống rượu với ông và nói: “Ừ thì như bác biết đấy. Chẳng ai có dũng khí được đâu, kể cả Phan Khôi. Chẳng sợ rượu vào nói cà khịa, phiền, nên tôi đã nói với bác: Không phải tôi sợ nói sai mà sợ nói đúng mới gay. Tôi vẫn được tiếng là ngang bướng”. Lần uống rượu với ông Đồ Phồn ấy, cụ Nguyễn Tuân đã khóc:

- Tôi được như thế này là vì biết sợ.

Vì vậy mới có chuyện thời trước thế đấy, thời nay thế đó với Nguyễn Khải: “Tôi nhát lắm”. Với Tô Hải: “Tôi là thằng hèn”. Thêm nhật ký “Ghi 1954-1960”, cụ Trần Dần thổ lộ những chuyện chẳng đặng đừng của mình thời Nhân văn Giai phẩm.

Sau đó có ai đó đã viết:

- Không ai có quyền bắt người khác làm anh hùng...thay mình với cái chết.

Với cái chết, với khôn văn tế đại văn bìa, mót chữ không phải cứ đội ông Đồ Phồn lên đầu mà vái...vái lấy vái để ví với câu đối về cụ Nguyễn Tuân, hay ông Vũ Trọng Phụng của ông Đồ Phồn. (xem tr 6).

Với cái chết Vũ Trọng Phụng, ông Vũ Trọng Khanh con trai ông kể lại:

” Do lao tâm quá sức bố tôi mắc phải chứng lao phổi và lìa đời vào lúc **2 giờ sáng ngày 13-10-1939**. Thời bấy giờ **ai mắc phải bệnh lao đều bắt buộc phải chôn cất ngay trong ngày**. Bởi lẽ đó mà **7 giờ sáng cùng ngày**, bà nội và kế mẫu tôi phải đem xác bố tôi đi chôn tại nghĩa trang Quảng Thiện thuộc huyện Ngã Tư Sở tỉnh Hà Đông”.

Vẫn chưa hết, theo cụ Nguyễn Tuân thì:

”Người bạn tội nghiệp của chúng tôi chết. Ngày hôm sau, đưa đám buổi sớm. Nhận cái tin buồn ấy, chúng tôi đi hút thuốc phiện. Đêm ấy, nhà hát lạnh như nhà mồ...Ngọn đèn dầu lạc giống ngọn đèn thờ. Anh kếp hát như nhạc công phường bát âm cho nổi lên một bản nhạc chết khi người ta dâng cơm cúng...Khoảng 5 giờ sáng bọn tôi từ Thượng Cát kéo bộ về Hà Nội. Qua cầu Bồ Đề, tôi nói:

- Đám đi sớm quá nhỉ. 7 giờ đã cất đám rồi. Đi hết cầu, về đến bờ bên kia sông ít ra mất 45 phút. Và từ đấy vào Cầu Mới. Nhanh bước lên! Các anh.

Thế mà cả bọn đến nơi, nhà đám đã khởi hành được mấy phút”.

Một chữ tôi buồn chữ chuyện nhà văn Vũ Trọng Phụng mất, lúc hạ huyết, Lưu Trọng Lư thay mặt giới nhà văn, đọc lời ai điếu: “Anh là một nhà văn xứng đáng với sự tôn sùng của tất cả văn hữu. Những người hôm qua đây, còn *không ưa anh*, còn *thù ghét anh*, nhưng hôm nay họ cũng phải cúi đầu trước mộ anh”

Bài điếu văn chấm dứt, ông Đồ Phồn ứa hai hàng lệ đọc đôi câu đối:

“*Cạm bẫy người* tạo hóa khéo căng chi, qua “*Giống tổ*” tưởng nên “*Số đờ*”.

“*Số độc đắc*” văn chương vừa trúng thế, bỗng “*Dứt tình*”, “*Không một tiếng vang*”.

Nhà văn “xê dịch” Nguyễn Tuân mất, ông đồ Phồn có câu đối viếng cụ Nguyễn:

“*Vang bóng một thời*” tàn, khéo gọi thêm nao lòng lãng tử.

“*Quê hương*” đầu hẳn *thiếu*, mãi đi cho trọn kiếp giang hồ.

Với chuyện chữ người sống mắng người chết trong làng văn xóm chữ của sĩ phu Bắc Hà ở trên. Thôi thì đành phải nhờ vả sĩ phu Nam Hà luận chữ...

Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người

Sên bò nát óc máu thâm rơi

Chiều nay một dấu than buồng xuống

Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời

Một chữ tôi mài óc nghĩ không ra “Sên bò nát óc...” là lý sự gì? Hốt nhiên con chuột của máy “còm-pi-utơ” đụng vào cái nút nào đó, màn ảnh hiện lên bài viết của một nhà phê bình văn học trong nước chỉ rõ một số điểm chưa hoàn thiện ở kịch bản chèo vốn được coi là tiêu biểu về lịch sử. Đơn cử là: “Có thể lấy chuyện vua Quang Trung đánh tan quân Mãn Thanh và tiến vào Thăng Long làm ví dụ”.

Và ông nhận xét:

“Khi viết kịch bản chèo, tác giả *Trúc Đường* đã hư cấu chi tiết vua Quang Trung qua làng Ngọc Hà, thân hành lấy một cành đào đầy nụ để sai người chuyển về Phú Xuân cho công chúa Ngọc Hân. Chi tiết này vừa đẹp, vừa mang nhiều lớp nghĩa nên được đề cao tới mức *nhiều nhà sử học coi đó là chuyện thật*”.

Vậy là ông Trúc Đường, anh của Nguyễn Bình viết *Cành đào Nguyễn Huệ*. Đến đây, vì hễ chữ nên đành dựa dẫm vào sĩ phu Nam Hà Vũ Hoàng Chương với *đinh đóng vào sãng tiếng trả lời* để cái quan định luận ông Đồ Phồn. Rồi đốt lò hương cũ tới những ông đồ đã khuất nẻo như ông Tú Sốt, cụ Vũ Đình Liên và còn ai nữa.

Thạch trúc gia trang
Bính Thân 2016
Ngô Không Phí Ngọc Hùng
(viết lại 2020)

Nguồn: Vân Long, Tất Thắng, Ngô Thảo, Trần Nhuận Minh, Lê Hồng Bảo Uyên.

(1) Tú Sốt tức Chu Thành, hay Chu Thành Thi tạ thế ngày 27-3-2006, thọ 77 tuổi.

(2) Tào Mạt tên thật là Nguyễn Duy Thục, sinh ngày 23-11-1930, tại huyện Thạch Thất, Sơn Tây. Ông mất ngày 13-4-1993, tại Hà Nội.

Ông yêu thích văn học Hán-Nôm và tự học để nghiên cứu nghệ thuật chèo. Ông để lại khoảng 20 kịch bản, chính là chèo. Các tác phẩm: “Chị Tâm bến Cốc” (chèo, 1960); Bộ chèo “Bài ca giữ nước” (1979-1985), “Thơ chữ Hán Tào Mạt” (1994).

